

Số: 410 /TB-BV

Nghệ An, ngày 26 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v Thời gian, địa điểm triệu tập thí sinh và thi tuyển vòng 1
Kỳ thi tuyển viên chức năm 2025

Kính gửi: Các thí sinh tham gia thi tuyển viên chức
 Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An năm 2025

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/12/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP; Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/03/2025 của Bộ Nội vụ: Ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Hội đồng thi tuyển viên chức Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An năm 2025 thông báo tới thí sinh các nội dung sau:

1. Thời gian, địa điểm triệu tập thí sinh

- Thời gian: 07h00, thứ 5, ngày 29/01/2026
- Nội dung:
 - + Khai mạc kỳ thi tuyển viên chức năm 2025;
- Địa điểm: Hội trường A, Đại học Vinh, số 182 Lê Duẩn, phường Trường Vinh, Nghệ An.

2. Thời gian, địa điểm thi tuyển vòng 1 kỳ thi tuyển viên chức năm 2025

- Thời gian tổ chức thi Môn Kiến thức chung: 8h00-11h15, thứ 5, ngày 29/01/2026 (2 ca thi); thời gian làm bài 02 ca:
 - + Ca 1 bắt đầu từ 8h00 đến 09h30 (60 phút);
 - + Ca 2 bắt đầu từ 9h50 đến 11h15 (60 phút);
- Thời gian tổ chức thi Môn Ngoại ngữ: 13h30-16h30, thứ 5, ngày 29/01/2026 (2 ca thi); thời gian làm bài 02 ca:
 - + Ca 1 bắt đầu từ 13h50 đến 15h00 (30 phút);
 - + Ca 2 bắt đầu từ 15h30 đến 16h30 (30 phút);
- Địa điểm tổ chức thi vòng 1 tại: Tầng 3, 4, tòa nhà Khảo thí, Trường Đại học Vinh, số 182 Lê Duẩn, phường Trường Vinh, Nghệ An.
- Hình thức: Trắc nghiệm trên máy tính.



3. Cập nhật các thông tin sau đính kèm tại thông báo

3.1. Danh sách thí sinh, số báo danh.

3.2. Nội quy thi tuyển.

3.3. Thời gian biểu thi tuyển.

Lưu ý: Thí sinh khi đến địa điểm thi, gửi xe tại Gara bên trái cổng chính Trường Đại học Vinh, số 182 Lê Duẩn, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An. Khi đến phòng thi mang theo Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có ảnh và thông tin cá nhân để đối chiếu.

Đề nghị các thí sinh cập nhật thông tin để chuẩn bị cho công tác thi tuyển viên chức Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An được tốt nhất.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, HĐTT



GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
Nguyễn Văn Hương





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH THAM GIA THI TUYỂN VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2025

Môn thi Kiến thức chung

(Đính kèm Thông báo số 410/TB-BV ngày 26/01/2026 của Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2025)

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
1	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lê Thị	An	Nữ	07.12.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301019717	
2	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Duy	An	Nam	06.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201009064	
3	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Bảo	An	Nam	01.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201017833	
4	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Phan Đình Tuấn	Anh	Nam	19.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201005203	
5	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	15.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300005784	
6	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lữ Tiến	Anh	Nam	13.03.1999	Bác sĩ y đa khoa	040099017666	Dân tộc Thái
7	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	Nữ	14.12.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301015371	
8	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Trâm	Anh	Nữ	02.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301013213	
9	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nghiêm Thị Ngọc	Ánh	Nữ	02.09.2000	Bác sĩ y đa khoa	042300008640	
10	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	07.12.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300016485	
11	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Trương Thị Ngọc	Ánh	Nữ	29.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301001923	
12	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Hồ Sỹ	Bằng	Nam	21.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201019217	
13	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Quang	Bình	Nam	18.03.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201023259	
14	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lê Huy	Cần	Nam	08.05.2000	Bác sĩ y đa khoa	042200007912	
15	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Cao Thị Yến	Chi	Nữ	10.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	042301010236	
16	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Hoàng Thị Linh	Chi	Nữ	16.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301000517	Con thương binh
17	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lê Hồng	Chiến	Nam	17.07.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098014299	
18	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Trần Ngọc	Cường	Nam	06.03.2001	Bác sĩ y đa khoa	038201014210	
19	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lê Kim	Đại	Nam	13.07.200	Bác sĩ y đa khoa	040201021233	
20	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Đặng Duy Hải	Đăng	Nam	05.10.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200004122	
21	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Đào Tiến	Đạt	Nam	15.06.1999	Bác sĩ y đa khoa	040099003027	
22	1	Sáng	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	26.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201005723	
23	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	25.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	049201008503	
24	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Đức	Định	Nam	29.01.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098013852	
25	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Anh	Đức	Nam	13.03.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200012984	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
26	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Đặng	Đức	Nam	24.08.1995	Bác sĩ y đa khoa	040095003766	
27	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Hoàng Thị	Dung	Nữ	12.12.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301007672	
28	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thuỳ	Dung	Nữ	30.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301016869	
29	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Lê Văn	Dũng	Nam	22.10.2000	Bác sĩ y đa khoa	064200011464	
30	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Phan Doãn	Dương	Nam	08.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201008561	Con thương binh
31	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Trường	Duy	Nam	27.01.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098016952	
32	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Hà Thị Mỹ	Duyên	Nữ	02.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301011930	Dân tộc Thái
33	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	01.01.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300014566	
34	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Bùi Thị Quỳnh	Giang	Nữ	11.09.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199021007	
35	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Trà	Giang	Nữ	24.03.1998	Bác sĩ y đa khoa	042198005019	
36	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Võ Thị Thu	Hà	Nữ	11.10.2000	Bác sĩ y đa khoa	042300002703	
37	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Cung Đình	Hải	Nam	28.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201007891	
38	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Lê Thị	Hằng	Nữ	06.07.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199013198	
39	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Hồ Thị Minh	Hằng	Nữ	09.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301009886	
40	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Phạm Văn	Hạnh	Nam	10.10.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098027383	
41	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Lê Thị	Hạnh	Nữ	26.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301013303	Con thương binh
42	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Trần Thị	Hạnh	Nữ	28.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301010730	
43	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	27.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300018026	
44	1	Sáng	KT.302	Bác sĩ hạng III	Trần Văn	Hậu	Nam	20.10.1993	Bác sĩ y đa khoa	042093020377	
45	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Văn	Hiền	Nam	18.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	042200006961	
46	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	22.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301023770	
47	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Hồ Thị	Hoa	Nữ	07.05.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300002429	
48	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Lê Thị	Hoài	Nữ	05.01.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199014316	
49	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Võ Văn	Hoàng	Nam	15.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201001509	
50	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Cao Đăng	Hoàng	Nam	31.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201008684	
51	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Đình	Hoạt	Nam	16.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201016491	
52	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Hoàng Đình	Hợp	Nam	02.12.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200020241	
53	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Đào Thị Thu	Hương	Nữ	27.01.1993	Bác sĩ y đa khoa	042193020782	
54	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Phan Lê Quốc	Huy	Nam	23.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201023725	
55	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Đặng Bùi	Huy	Nam	06.05.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201014943	
56	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	10.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	042301007785	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
57	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Bùi Quốc	Khánh	Nam	02.09.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200021728	
58	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Võ Văn	Khánh	Nam	14.02.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200020079	
59	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	06.01.1998	Bác sĩ y đa khoa	040198008224	
60	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Phương	Linh	Nữ	17.05.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301002356	
61	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	16.06.1998	Bác sĩ y đa khoa	042198005361	
62	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Trần Thị	Linh	Nữ	17.05.1997	Bác sĩ y đa khoa	040197006999	
63	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Lưu Thị Thùy	Linh	Nữ	23.02.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300018303	
64	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Dương Thị Thuỳ	Linh	Nữ	02.08.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199018081	
65	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Trần Thị	Loan	Nữ	18.08.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199015181	
66	1	Sáng	KT.303	Bác sĩ hạng III	Trần Văn	Lợi	Nam	16.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201008195	
67	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Chu Thăng	Long	Nam	10.06.2000	Bác sĩ y đa khoa	042200003015	
68	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Văn	Long	Nam	01.10.1983	Bác sĩ y đa khoa	040083006950	
69	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	20.06.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199023277	
70	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	15.02.1998	Bác sĩ y đa khoa	040198015876	
71	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hoa	Mai	Nữ	30.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301013731	
72	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Tăng Thị Sao	Mai	Nữ	09.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301015986	
73	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Huyền	My	Nữ	20.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301010233	
74	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	10.10.1996	Bác sĩ y đa khoa	040196002948	
75	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Đàm Thị Thu	Na	Nữ	19.02.2000	Bác sĩ y đa khoa	044300002654	
76	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn	Nai	Nam	25.02.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098009783	
77	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Lê Đức	Nam	Nam	13.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201007840	
78	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	26.10.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098016503	
79	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	Nữ	26.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301023953	
80	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	27.12.1995	Bác sĩ y đa khoa	042195017757	
81	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Đoàn Trọng	Nghĩa	Nam	16.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201005954	
82	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	20.11.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301023303	
83	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Hoàng Văn	Ngọc	Nam	19.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201007787	
84	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Trịnh Phạm Khôi	Nguyên	Nam	20.09.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200020584	
85	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Hồ Mỹ	Nguyên	Nữ	27.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301010801	
86	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Ngô Hưng	Nhật	Nam	25.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201023676	
87	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Trang	Nhung	Nữ	22.03.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301010095	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
88	1	Sáng	KT.304	Bác sĩ hạng III	Phạm Thị	Nhung	Nam	16.04.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199007732	
89	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Đinh Thị Lâm	Oanh	Nữ	15.11.1998	Bác sĩ y đa khoa	040198020144	
90	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Hoàng Thị	Phuong	Nữ	27.11.1997	Bác sĩ y đa khoa	040197025235	
91	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Trần Thị	Phuong	Nữ	19.12.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301008166	
92	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Hồ Thị	Qũnh	Nữ	27.02.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199009801	
93	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Phạm Như	Qũnh	Nữ	07.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301011095	
94	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Ngọc	Sáng	Nam	16.08.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200010270	
95	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Cao Văn	Son	Nam	10.11.1996	Bác sĩ y đa khoa	040096017478	
96	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Sương	Nữ	28.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301024497	
97	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	17.08.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098022579	
98	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Văn Minh	Tân	Nam	11.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201000475	
99	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Võ Thị Linh	Tân	Nữ	20.05.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301007377	
100	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	05.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201000427	
101	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	07.10.1997	Bác sĩ y đa khoa	040197003018	
102	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Trương Thị	Thảo	Nữ	10.08.1997	Bác sĩ y đa khoa	040197015644	
103	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	08.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301019954	
104	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	16.02.1995	Bác sĩ y đa khoa	040195012682	
105	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Văn	Thiện	Nam	13.10.1999	Bác sĩ y đa khoa	040099009525	
106	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	02.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201010437	Dân tộc Mường
107	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	20.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301009094	
108	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Lê Thị	Thư	Nữ	05.07.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300027506	
109	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Đặng Đức	Thuận	Nam	25.02.1993	Bác sĩ y đa khoa	040093017852	Quân nhân xuất ngũ
110	1	Sáng	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	06.11.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301001514	
111	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Phạm Thị Khánh	Thương	Nữ	28.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300018637	
112	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Bích	Thương	Nữ	20.04.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300011483	
113	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	01.01.1998	Bác sĩ y đa khoa	040198018183	
114	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	02.01.2000	Bác sĩ y đa khoa	042300012022	
115	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Phan Đức	Tiến	Nam	15.08.1999	Bác sĩ y đa khoa	040099022822	
116	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	03.02.1996	Bác sĩ y đa khoa	040096005457	
117	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Khánh	Toàn	Nam	24.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201024579	Con thương binh

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
118	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Trọng	Trải	Nam	30.03.1999	Bác sĩ y đa khoa	040099015621	
119	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Hồ Ngọc	Trâm	Nữ	18.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301023927	
120	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Lê Thị	Trang	Nữ	25.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	042301010612	
121	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Trần Như	Trang	Nữ	02.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	042301006700	
122	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Viên Thị Minh	Trang	Nữ	21.01.1999	Bác sĩ y đa khoa	042199004723	
123	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Hoàng Thị	Trang	Nữ	28.03.2000	Bác sĩ y đa khoa	038300015349	
124	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thuỳ	Trang	Nữ	14.11.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301020114	
125	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	06.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	042301010944	
126	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Đặng Kim	Trang	Nữ	26.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301014801	
127	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Trần Đình	Trường	Nam	29.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201019730	Học viên tốt nghiệp sĩ quan dự bị
128	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Hồ Thị Cẩm	Tú	Nữ	15.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301008583	
129	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Lê Thị	Tú	Nữ	20.10.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300019157	
130	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Tú	Nữ	22.09.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300021322	
131	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Đức	Tuấn	Nam	24.09.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098012972	
132	1	Sáng	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Như	Tuấn	Nam	01.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201026010	
133	1	Sáng	KT.307	Bác sĩ hạng III	Đỗ Viết	Tùng	Nam	12.05.1999	Bác sĩ y đa khoa	038099007367	
134	1	Sáng	KT.307	Bác sĩ hạng III	Lương Văn	Tuyền	Nam	27.07.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098021370	Dân tộc Thái
135	1	Sáng	KT.307	Bác sĩ hạng III	Hoàng Thị	Uyên	Nữ	10.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301004580	
136	1	Sáng	KT.307	Bác sĩ hạng III	Võ Tú	Uyên	Nữ	31.05.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301005936	
137	1	Sáng	KT.307	Bác sĩ hạng III	Phan Thị Thảo	Vân	Nữ	04.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300014856	
138	1	Sáng	KT.307	Bác sĩ hạng III	Phan Đình	Vinh	Nam	04.05.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200024949	
139	1	Sáng	KT.307	Bác sĩ hạng III	Đinh Thị Tường	Vy	Nữ	11.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301008143	
140	1	Sáng	KT.307	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Bảo	Yến	Nữ	26.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301020994	
141	1	Sáng	KT.307	Dược sĩ hạng III	Bùi Đình	Cánh	Nam	29.01.2002	Dược sĩ Đại học	040202009335	
142	1	Sáng	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Ngọc	Chi	Nữ	14.02.2002	Dược sĩ Đại học	040302006074	
143	1	Sáng	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Huyền	Chinh	Nữ	18.02.2002	Dược sĩ Đại học	040302016317	
144	1	Sáng	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	28.02.1999	Dược sĩ Đại học	040099005003	
145	1	Sáng	KT.307	Dược sĩ hạng III	Đỗ Quốc	Dũng	Nam	29.11.1989	Dược sĩ Đại học	042089014231	Con thương binh
146	1	Sáng	KT.307	Dược sĩ hạng III	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	04.02.2001	Dược sĩ Đại học	040301013786	
147	1	Sáng	KT.307	Dược sĩ hạng III	Phan Thị Thanh	Giang	Nữ	12.07.2002	Dược sĩ Đại học	040302016724	
148	1	Sáng	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Trà	Giang	Nữ	25.05.2000	Dược sĩ Đại học	040300016818	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
149	1	Sáng	KT.307	Dược sĩ hạng III	Bùi Thị Ngọc	Hà	Nữ	31.10.2000	Dược sĩ Đại học	040300008036	
150	1	Sáng	KT.307	Dược sĩ hạng III	Lê Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	03.02.1997	Dược sĩ Đại học	040197011830	
151	1	Sáng	KT.307	Dược sĩ hạng III	Trương Thị Thu	Hiền	Nữ	03.11.2002	Dược sĩ Đại học	044302002031	
152	1	Sáng	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Hiếu	Nữ	01.10.2000	Dược sĩ Đại học	040300020058	
153	1	Sáng	KT.307	Dược sĩ hạng III	Phạm Hoài Thanh	Hoa	Nữ	16.06.2000	Dược sĩ Đại học	042300007235	
154	1	Sáng	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	08.06.1998	Dược sĩ Đại học	042198000135	
155	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	07.03.1989	Dược sĩ Đại học	040189027323	
156	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Văn Việt	Hoàng	Nam	26.10.2002	Dược sĩ Đại học	040202016189	
157	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Mai	Hương	Nữ	10.08.2001	Dược sĩ Đại học	040301013623	
158	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Thanh	Lam	Nữ	26.03.2000	Dược sĩ Đại học	040300026161	
159	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Hoàng Thị	Lam	Nữ	19.07.2000	Dược sĩ Đại học	040300006563	
160	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Công	Lâm	Nam	04.01.2002	Dược sĩ Đại học	040202021683	
161	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Trần Thị	Lê	Nữ	07.06.2001	Dược sĩ Đại học	040301023834	
162	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Yến	Linh	Nữ	23.12.2000	Dược sĩ Đại học	040300015995	Dân tộc Thổ
163	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Thái Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	09.05.2001	Dược sĩ Đại học	042301007051	
164	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Tổng Ái	Linh	Nữ	05.01.2002	Dược sĩ Đại học	042302005899	
165	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	25.11.2000	Dược sĩ Đại học	040300006844	
166	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Ngô Thanh	Lộc	Nữ	13.03.2001	Dược sĩ Đại học	040301023046	
167	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Lê Tiến	Long	Nam	15.08.2000	Dược sĩ Đại học	040200020031	
168	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	19.08.2002	Dược sĩ Đại học	040202005566	
169	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Trần Văn	Mạnh	Nam	16.10.2002	Dược sĩ Đại học	040202020660	
170	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Ngọc	Mơ	Nữ	23.11.2000	Dược sĩ Đại học	040300025545	
171	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Trần Thảo	My	Nữ	24.04.2001	Dược sĩ Đại học	040301022014	
172	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Võ Linh	Nga	Nữ	15.11.2000	Dược sĩ Đại học	040300008692	
173	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Phan Tổ	Nga	Nữ	31.10.2002	Dược sĩ Đại học	042302000352	
174	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Hoàng	Nghiêm	Nam	27.01.2002	Dược sĩ Đại học	040202016226	
175	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Phan Tuấn	Nguyên	Nam	18.08.2002	Dược sĩ Đại học	042202008935	
176	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Trần Thị	Phong	Nữ	19.01.1998	Dược sĩ Đại học	042198007100	
177	1	Sáng	KT.309	Dược sĩ hạng III	Trần Thị	Phương	Nữ	26.05.1999	Dược sĩ Đại học	042199000388	
178	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thái Mai	Phương	Nữ	08.04.2002	Dược sĩ Đại học	040302006494	
179	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hương	Phương	Nữ	21.08.1997	Dược sĩ Đại học	040197000834	
180	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Dương Đình	Quý	Nam	30.10.1994	Dược sĩ Đại học	042094014740	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
181	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Tăng Thị	Quyên	Nữ	19.10.2002	Dược sĩ Đại học	040302016396	
182	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Qùynh	Nữ	13.08.2001	Dược sĩ đại học	040301017087	
183	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Phạm Diễm	Qùynh	Nữ	02.01.1999	Dược sĩ Đại học	040199012238	
184	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hải	Qùynh	Nữ	28.10.2002	Dược sĩ Đại học	040302020002	
185	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Phạm Thị Xuân	Qùynh	Nữ	09.06.2001	Dược sĩ Đại học	040301010482	Con thương binh
186	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Vì Thái	Son	Nam	24.10.1992	Dược sĩ Đại học	040092040815	Dân tộc Thái
187	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Lê Thị Mai	Sương	Nữ	01.09.1998	Dược sĩ Đại học	040198022959	
188	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	12.12.2001	Dược sĩ Đại học	040301022519	
189	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Đặng Thị Phương	Thảo	Nữ	15.12.2002	Dược sĩ đại học	042302007043	
190	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Hoàng Thị Dương	Thảo	Nữ	26.09.2002	Dược sĩ Đại học	040302005066	
191	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	01.09.1995	Dược sĩ Đại học	040195020986	
192	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Trịnh Xuân Anh	Thông	Nam	27.01.2001	Dược sĩ Đại học	040201015468	Dân tộc Thái
193	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	20.04.2001	Dược sĩ Đại học	040301000440	
194	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Phương	Thúy	Nữ	07.05.1997	Dược sĩ Đại học	040197001838	
195	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Phan Thị Kim	Trâm	Nữ	17.04.2000	Dược sĩ Đại học	040300024197	
196	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Hồ Thị Kim	Trang	Nữ	27.07.2000	Dược sĩ Đại học	040300021878	
197	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	02.10.2001	Dược sĩ Đại học	040301004503	
198	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Trần Thu	Trang	Nữ	02.01.2002	Dược sĩ Đại học	042302005500	
199	1	Sáng	KT.406	Dược sĩ hạng III	Phan Thị Quỳnh	Trang	Nữ	05.04.1995	Dược sĩ Đại học	040195011673	
200	1	Sáng	KT.407	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	04.09.2002	Dược sĩ Đại học	040302019203	
201	1	Sáng	KT.407	Dược sĩ hạng III	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	Nữ	16.04.2001	Dược sĩ Đại học	040301014268	
202	1	Sáng	KT.407	Dược sĩ hạng III	Đặng Thị	Trang	Nữ	02.02.2000	Dược sĩ Đại học	040300015121	
203	1	Sáng	KT.407	Dược sĩ hạng III	Phùng Thị Cẩm	Tú	Nữ	08.03.2002	Dược sĩ Đại học	040302021805	
204	1	Sáng	KT.407	Dược sĩ hạng III	Hà Văn	Tùng	Nam	30.10.2001	Dược sĩ Đại học	040201018642	
205	1	Sáng	KT.407	Dược sĩ hạng III	Phạm Thị Tú	Uyên	Nữ	29.07.2002	Dược sĩ Đại học	040302006612	
206	1	Sáng	KT.407	Dược sĩ hạng III	Lê Thị Tú	Uyên	Nữ	11.07.1999	Dược sĩ Đại học	040199022402	Con thương binh
207	1	Sáng	KT.407	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Việt	Nữ	02.09.1998	Dược sĩ Đại học	040198020104	
208	1	Sáng	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	An	Nữ	05.08.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	040192002518	
209	1	Sáng	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Ngô Thị Vân	Anh	Nữ	04.09.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303016231	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
210	1	Sáng	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Tú	Anh	Nữ	25.06.1996	Cử nhân Điều Dưỡng	040196018569	
211	1	Sáng	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Minh	Anh	Nữ	29.10.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	040301023561	
212	1	Sáng	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Minh	Ánh	Nữ	27.05.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300016752	
213	1	Sáng	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	16.09.1988	Cử nhân Điều Dưỡng	040188006845	Con thương binh
214	1	Sáng	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	Nữ	18.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303006682	
215	1	Sáng	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	03.09.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	040198003598	
216	1	Sáng	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Cúc	Nữ	17.07.1997	Cử nhân Điều Dưỡng	040197008051	
217	1	Sáng	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị	Đào	Nữ	27.02.1986	Cử nhân Điều Dưỡng	040186031997	
218	1	Sáng	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Huyền	Diệu	Nữ	23.12.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303001728	
219	1	Sáng	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị	Định	Nữ	12.01.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	038199027665	Dân tộc Mường
220	1	Sáng	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Thuý	Dung	Nữ	20.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303007933	
221	1	Sáng	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Thuý	Dung	Nữ	05.06.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	040193035537	
222	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	27.03.1996	Cử nhân Điều Dưỡng	040196016396	
223	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	07.05.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	042199002959	
224	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Đinh Thị	Giang	Nữ	28.03.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303024634	
225	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Đặng Trà	Giang	Nữ	10.10.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	040194009539	Con thương binh

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
226	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị Quỳnh	Giang	Nữ	01.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303002562	
227	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Giang	Nữ	14.05.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	040194018040	
228	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Hữu	Giang	Nam	24.07.1988	Cử nhân Điều Dưỡng	040088038135	Con thương binh
229	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	08.11.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	040199004266	
230	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	25.02.1985	Cử nhân Điều Dưỡng	040185032825	Con thương binh
231	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	10.10.1986	Cử nhân Điều Dưỡng	040186029258	Con thương binh
232	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	04.09.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	040195019094	
233	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	10.02.1997	Cử nhân Điều Dưỡng	040197009143	
234	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	01.09.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	042194011338	
235	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị Hồng	Hạnh	Nữ	08.11.1991	Cử nhân Điều Dưỡng	040191012046	
236	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Đặng Thị	Hào	Nữ	16.03.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303003599	
237	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Ngô Thị	Hiền	Nữ	30.05.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	040193007420	
238	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Đinh Thị	Hiền	Nữ	25.09.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	042198009094	
239	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Minh	Hiền	Nữ	09.10.1997	Cử nhân Điều Dưỡng	042197003790	
240	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	26.07.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302009187	
241	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Văn	Hiền	Nam	07.07.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	064200013579	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
242	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	29.03.1997	Cử nhân Điều Dưỡng	040197003965	
243	1	Sáng	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	03.10.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	040199018031	
244	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Hoài	Nữ	26.06.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300024427	
245	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Mỹ	Hoài	Nữ	26.04.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	044198009949	
246	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Võ Thị	Hồng	Nữ	20.12.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	040192009581	
247	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Mai	Hương	Nữ	14.11.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303025878	
248	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Ngô Khánh	Huyền	Nữ	10.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303007090	
249	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	21.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303008521	
250	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thanh	Huyền	Nữ	04.03.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300005376	
251	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Huyền	Nữ	02.10.1990	Cử nhân Điều Dưỡng	040190029553	
252	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Hà Mạnh	Hùynh	Nam	26.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040203001899	
253	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Phùng Thị	Khuyên	Nữ	20.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303012867	
254	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Ngô Trí	Kiên	Nam	07.05.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	040201020107	
255	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Oanh	Kiều	Nữ	09.01.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	040192032343	
256	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Cao Thị Thanh	Lam	Nữ	14.01.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303002537	
257	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	14.08.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303005527	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
258	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Thái Thị	Lan	Nữ	07.09.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	042193004899	
259	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Thị Cẩm	Linh	Nữ	03.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303007997	
260	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Dương Thị Khánh	Linh	Nữ	20.01.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303001585	
261	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	27.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303001640	
262	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Thuý	Linh	Nữ	14.05.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300012057	
263	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị Mỹ	Linh	Nữ	20.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303010789	
264	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Yến	Linh	Nữ	28.09.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	040193030225	
265	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	15.07.1997	Cử nhân Điều Dưỡng	040197018314	
266	1	Sáng	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Long	Nữ	10.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303014783	
267	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị	Lương	Nữ	05.07.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	040192009191	
268	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Lượng	Nữ	24.10.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	042195008890	
269	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Đậu Thị	Ly	Nữ	18.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303009491	
270	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Mùi	Nữ	21.08.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303011471	
271	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị	Mỹ	Nữ	12.01.1997	Cử nhân Điều Dưỡng	040197021086	Dân tộc Thổ
272	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Lô Kha Lê	Na	Nữ	15.09.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303027239	Dân tộc Thái
273	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Thị Lê	Na	Nữ	20.07.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300013269	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
274	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Lê	Na	Nữ	26.05.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303014019	
275	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị	Nga	Nữ	14.02.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300015154	
276	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Hằng	Nga	Nữ	11.09.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303002291	
277	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	11.10.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	040193010713	
278	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị Kim	Ngân	Nữ	12.06.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303022744	
279	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Cao Thị	Ngân	Nữ	15.08.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300015431	
280	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Nghĩa	Nữ	26.06.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	040195030960	
281	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị	Ngọc	Nữ	12.04.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	040194013917	
282	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Bùi Thị Hồng	Ngọc	Nữ	16.03.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300007744	
283	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	23.01.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	042302009096	
284	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	15.10.1991	Cử nhân Điều Dưỡng	040191021601	Con thương binh, bệnh binh
285	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị	Ngọc	Nữ	20.03.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	040193013801	
286	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Trương Thị Hồng	Nguyên	Nữ	01.01.1988	Cử nhân Điều Dưỡng	040188019708	
287	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Nguyệt	Nữ	22.12.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303019239	
288	2	Sáng	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Phan Thị	Nguyệt	Nữ	18.08.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303006072	
289	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị Thu	Nguyệt	Nữ	22.03.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303014179	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
290	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Đinh Thị	Nguyệt	Nữ	02.12.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	040192037504	
291	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Chu Thị Ngọc	Nhi	Nữ	19.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303006989	
292	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Ninh	Nữ	03.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303016789	
293	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Hà	Ny	Nữ	03.08.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	042198010747	
294	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị	Oanh	Nữ	12.07.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	040193027457	
295	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị	Phương	Nữ	13.10.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	040198012173	
296	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	12.10.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302012749	
297	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	27.06.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	040193008130	
298	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Minh	Quang	Nam	02.04.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	040099017938	
299	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Văn	Quang	Nam	27.02.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040202025516	
300	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Tôn Thị Hồng	Quyên	Nữ	28.03.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	042301000822	
301	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị	Qùynh	Nữ	13.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303024088	
302	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Sâm	Nữ	10.10.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	040195001325	
303	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Sang	Nữ	23.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303005084	
304	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị Thanh	Tâm	Nữ	02.02.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300022183	
305	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Đặng Thị	Tâm	Nữ	10.09.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	040192027273	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
306	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Tân	Nữ	23.06.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	040199009982	
307	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Võ Thị	Thanh	Nữ	19.03.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303014786	
308	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Song	Thao	Nữ	04.03.1982	Cử nhân Điều Dưỡng	040182017804	Con Bệnh binh
309	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	15.07.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303004539	
310	2	Sáng	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Thi	Nữ	15.09.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	040301009067	
311	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị	Thom	Nữ	01.02.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	042195014265	
312	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị	Thông	Nữ	15.08.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	040192022434	
313	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	14.08.1991	Cử nhân Điều Dưỡng	044191013494	
314	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	01.07.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302002375	
315	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị	Thương	Nữ	29.11.1989	Cử nhân Điều Dưỡng	040189014136	
316	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Hoài	Thương	Nữ	06.07.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	014303009774	
317	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Phan Thị	Thương	Nữ	26.02.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	040199019049	
318	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Huyền	Thương	Nữ	27.10.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	040199017745	
319	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	19.02.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	040301021054	
320	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Hoài	Thương	Nữ	19.05.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	042301004885	
321	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thanh	Thúy	Nữ	19.08.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	042199007574	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
322	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	Nữ	08.03.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302009208	
323	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Thúy	Nữ	22.10.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300010977	
324	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Thị	Thùy	Nữ	29.05.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302013304	
325	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Phan Thị	Thùy	Nữ	02.02.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	068300008800	
326	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Phương	Thúy	Nữ	30.08.1984	Cử nhân Điều Dưỡng	042184015540	
327	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Trần	Thùy	Nữ	15.07.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	040198025414	
328	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Võ Thị	Thùy	Nữ	28.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303005992	
329	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Thái Thị Ngọc	Trâm	Nữ	12.01.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	040199004283	
330	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	13.06.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303003462	
331	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Huyền	Trang	Nữ	20.09.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	066303002272	
332	2	Sáng	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Đinh Thị Mai	Trang	Nữ	23.01.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303009394	
333	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Bùi Thị	Trang	Nữ	05.07.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303002518	
334	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	05.04.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	040195035521	
335	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	Nữ	30.03.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302015199	
336	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10.07.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	040194034364	
337	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Thúy	Trang	Nữ	16.12.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	042302009048	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
338	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Huyền	Trang	Nữ	22.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303003934	
339	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Triều	Nữ	20.03.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	040195017304	
340	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	Nữ	18.05.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303001986	
341	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	16.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303007828	
342	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Khắc	Trường	Nam	22.11.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040203002345	
343	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Trương Thị Cẩm	Tú	Nữ	19.04.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302002579	
344	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Hà Cẩm	Tú	Nữ	16.03.1990	Cử nhân Điều Dưỡng	040190028635	
345	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Cảnh	Tuấn	Nam	05.01.1991	Cử nhân Điều Dưỡng	040091002674	
346	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị T	Tuyết	Nữ	18.01.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	040195001064	
347	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Đoàn Diệu	Uyên	Nữ	28.01.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	040301008877	
348	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Tố	Uyên	Nữ	11.12.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	042302002855	
349	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Trương Nguyễn Thuý	Vân	Nữ	18.11.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302013970	
350	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Bùi Thị Hà	Vi	Nữ	25.07.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302019688	
351	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thảo	Vi	Nữ	25.07.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	040301003818	
352	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị Tuyết	Vi	Nữ	25.07.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	040198010501	
353	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị	Yến	Nữ	15.12.1996	Cử nhân Điều Dưỡng	040196024903	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
354	2	Sáng	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	11.11.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303021667	
355	2	Sáng	KT.305	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	16.08.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	042199000930	
356	2	Sáng	KT.305	Điều Dưỡng Hạng III	Mai Thị	Yến	Nữ	25.01.1989	Cử nhân Điều Dưỡng	040189009498	
357	2	Sáng	KT.305	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Hoàng Hải	Yến	Nữ	01.06.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	040194011494	Con thương binh
358	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Dương Ngọc	Ánh	Nữ	12.04.1997	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042197005963	
359	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	27.05.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	036303013006	
360	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Tiến	Cầu	Nam	27.02.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042203004290	
361	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Trọng	Đại	Nam	18.08.1998	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040098005716	
362	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Quốc	Đại	Nam	07.07.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042200007094	
363	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Bùi Thị Ngọc	Diệp	Nữ	04.09.2000	Cử nhân chẩn đoán hình ảnh	040300007639	
364	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Thị	Định	Nữ	29.01.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040300017590	
365	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thái	Đông	Nam	10.02.2001	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh	040201004642	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
366	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Văn	Đức	Nam	05.02.1997	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042097003663	
367	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Thanh	Đức	Nam	02.07.1998	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040098002280	
368	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Hoàng Hồ Mỹ	Duyên	Nữ	14.03.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	058303001045	
369	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Mai Thu	Hằng	Nữ	28.07.1998	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040198016007	
370	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Hoàng Văn	Hiển	Nam	13.09.1990	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040090033104	
371	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Trần Minh	Hồng	Nam	08.09.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040203025482	
372	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Văn	Huy	Nam	08.08.2001	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040201006510	
373	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Ngô Thị Diệu	Linh	Nữ	12.11.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042303010873	
374	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Hà Thị	Mến	Nữ	11.11.1997	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	042197005745	
375	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Lê Thị	Minh	Nữ	18.02.1996	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042196006215	Con thương binh

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
376	2	Sáng	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Đặng Thành	Nam	Nam	14.05.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040200020987	Con thương binh
377	2	Sáng	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	23.09.2001	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040201025958	
378	2	Sáng	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	11.04.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040303019759	
379	2	Sáng	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Khắc	Núi	Nam	17.04.2001	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	040201013422	
380	2	Sáng	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	20.09.1996	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042196001795	
381	2	Sáng	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Đinh Thị Thu	Thảo	Nữ	18.10.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh Y hịc	040303019807	
382	2	Sáng	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Võ Thị Diệu	Thùy	Nữ	02.02.1999	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	046199005850	
383	2	Sáng	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Hồ Thị Bích	Thủy	Nữ	02.06.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042300010611	
384	2	Sáng	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Văn	Triệu	Nam	10.08.1999	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040099018435	
385	2	Sáng	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Trần Anh	Tuấn	Nam	05.01.1991	Cử nhân hình ảnh y học	040091091706	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
386	2	Sáng	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phan Thị	Xuân	Nữ	10.10.1992	Cử nhân kỹ thuật y học	040192040690	Con bệnh binh
387	2	Sáng	KT.306	Chuyên viên tài chính	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	25.02.1995	Cử nhân kinh tế	040195003651	
388	2	Sáng	KT.306	Chuyên viên tài chính	Trần Kim	Dũng	Nam	19.09.1995	Cử nhân kinh tế	040095042197	
389	2	Sáng	KT.306	Chuyên viên tài chính	Lê Thị Mỹ	Hoa	Nữ	25.08.2000	Cử nhân kinh tế phát triển	040300014682	
390	2	Sáng	KT.306	Chuyên viên tài chính	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	10.04.2002	Cử nhân kinh tế	040302004858	
391	2	Sáng	KT.306	Chuyên viên tài chính	Nguyễn Ngọc	Long	Nam	17.08.2000	Cử nhân kế toán chuyên ngành kiểm toán	040200009412	
392	2	Sáng	KT.306	Chuyên viên tài chính	Lê Thị Minh	Ngân	Nữ	07.05.1987	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	040187004830	
393	2	Sáng	KT.306	Chuyên viên tài chính	Phan Thị Hồng	Ngọc	Nữ	12.12.1992	Cử nhân tài chính ngân hàng	040192014311	Con thương binh
394	2	Sáng	KT.306	Chuyên viên tài chính	Mai Thu	Phương	Nữ	27.08.1987	Cử nhân kinh tế	040187020189	
395	2	Sáng	KT.306	Chuyên viên tài chính	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	20.06.1998	Cử nhân Kế toán	042198013707	
396	2	Sáng	KT.306	Chuyên viên tài chính	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	23.01.1994	Cử nhân tài chính ngân hàng	040194038488	
397	2	Sáng	KT.306	Chuyên viên tài chính	Đậu Đình	Trung	Nam	06.11.2003	Cử nhân Kinh tế	040203009456	
398	2	Sáng	KT.306	Chuyên viên tài chính	Lê Tuấn	Vinh	Nam	24.04.2003	Cử nhân tài chính ngân hàng	040203004164	
399	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Phan Thị Phương	An	Nữ	06.09.1999	Cử nhân Kế toán	040199020391	
400	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Hoàng	An	Nữ	17.09.2002	Cử nhân Kế toán	040302022488	
401	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Ngọc	Ân	Nữ	24.08.1992	Cử nhân Kế toán	040192032741	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
402	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Thị Minh	Anh	Nữ	24.03.2000	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng; Cử nhân Kế toán	042300000654	
403	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	15.02.2000	Cử nhân Kế toán	040300026683	
404	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	05.01.1996	Cử nhân Kế toán	040196032557	
405	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Phan Thị Phương	Dung	Nữ	27.08.2001	Cử nhân ngành Kế toán	042301006435	
406	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Đỗ Tiến	Dũng	Nam	14.02.1998	Cử nhân Kế toán	030098006195	
407	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Trần Thị Lam	Giang	Nữ	19.07.2003	Cử nhân ngành Kế toán	040303002755	
408	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Lê Thị Thương	Giang	Nữ	01.10.1993	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	040193039010	
409	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Đinh Thị	Giang	Nữ	15.05.1989	Cử nhân Kế toán	040189028770	
410	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Lê Thị Thanh	Hà	Nữ	18.12.1999	Cử nhân Kế toán	040199016965	
411	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Thị Việt	Hà	Nữ	24.11.1998	Thạc sĩ kinh tế - ngành kế toán	040198019929	
412	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Dương Thị Thu	Hà	Nữ	22.06.2003	Cử nhân Kế toán	040303005719	
413	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Thị Mai	Hân	Nữ	27.02.2003	Cử nhân Kế toán	040303005294	
414	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	01.01.2003	Cử nhân Kế toán	040303003232	
415	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Phan Thị	Hiền	Nữ	28.10.1993	Cử nhân Kế toán	040193031714	
416	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	22.03.1991	Cử nhân Kế toán	040191020178	
417	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Nghiêm Thị Mai	Hoa	Nữ	05.06.1995	Cử nhân Kế toán	042195006815	
418	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Thị Việt	Hoài	Nữ	03.02.1998	Cử nhân Kế toán	042198001069	
419	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Quang	Hoàng	Nam	05.11.2001	Cử nhân Kế toán	040201024432	
420	2	Sáng	KT.307	Kế toán viên	Trần Tiến	Hùng	Nam	02.11.1990	Cử nhân Kế toán	040090041348	Dân tộc Mường
421	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Đoàn Thị	Hương	Nữ	04.09.1987	Thạc sĩ Kế toán	040187020032	
422	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Phạm Quang	Huy	Nam	04.08.2003	Bằng cử nhân ngành Kế toán	040203015444	
423	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Phan Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	13.03.2001	Cử nhân Kế toán	042301012778	
424	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	10.02.2000	Cử nhân Kế toán	042300004021	
425	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Lê Thị	Lịch	Nữ	15.01.2001	Cử nhân ngành kế toán	042301012250	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
426	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Lê Thùy	Linh	Nữ	02.09.1991	Cử nhân Kế toán	042191009728	
427	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	29.03.1992	Cử nhân Kế toán	040192041012	
428	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị	Lộc	Nữ	20.08.1995	Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng	040195009036	
429	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	05.07.1990	Cử nhân Kế toán	040190020902	
430	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	26.01.2003	Cử nhân Kế toán	040303003574	
431	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Phan Thị Hoàng	Minh	Nữ	06.06.2002	Cử nhân Tài chính	042302005305	Con thương binh
432	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	11.04.1989	Cử nhân Kế toán	040189037926	Con thương binh, bệnh binh
433	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	10.01.2001	Cử nhân Kế toán	040301012571	
434	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	11.04.1990	Cử nhân Tài chính	040190003982	Con thương binh
435	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Bùi Hồ Minh	Ngọc	Nữ	21.10.2004	Cử nhân Bảo hiểm - Ngân hàng - Tài chính	040304002784	
436	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Phan Kiều	Như	Nữ	10.01.2003	Cử nhân Kế toán	042303002085	
437	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Biện Thị	Như	Nữ	11.06.1992	Cử nhân Kế toán	040192027449	
438	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị	Quý	Nữ	02.12.1993	Cử nhân Kế toán	042193011419	
439	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Lê Nhật	Tân	Nam	21.09.2001	Cử nhân Kế toán	040201025382	
440	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Chí	Thành	Nam	28.12.1998	Cử nhân Kế toán	040098012669	
441	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Phan Đức	Thành	Nam	05.08.1990	Cử nhân Tài chính Ngân hàng	040090031373	
442	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Tô Thanh	Thảo	Nữ	08.01.2003	Cử nhân Kế toán	040303004913	
443	2	Sáng	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	07.11.1998	Cử nhân Kế toán	040198004331	
444	2	Sáng	KT.406	Kế toán viên	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	15.09.2003	Cử nhân Kế toán	040303020777	
445	2	Sáng	KT.406	Kế toán viên	Trần Việt	Tiến	Nam	23.01.1997	Cử nhân kế toán chuyên ngành kiểm toán	040097010286	
446	2	Sáng	KT.406	Kế toán viên	Nguyễn Thị Thanh	Trà	Nữ	27.02.2003	Cử nhân Kế toán	042303002164	
447	2	Sáng	KT.406	Kế toán viên	Thái Thị Huyền	Trang	Nữ	15.12.2002	Cử nhân Kế toán	040302018406	
448	2	Sáng	KT.406	Kế toán viên	Phùng Thuý	Trang	Nữ	16.11.2002	Cử nhân tài chính ngân hàng	040302007486	
449	2	Sáng	KT.406	Kế toán viên	Phan Thị Huyền	Trang	Nữ	20.11.1991	Cử nhân Kế toán	040191032589	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
450	2	Sáng	KT.406	Kế toán viên	Nguyễn Minh	Trọng	Nam	11.02.2000	Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng	040200001489	Xuất ngũ đối với hạ sĩ quan và binh sĩ
451	2	Sáng	KT.406	Kế toán viên	Đậu Thị	Tuyết	Nữ	15.05.2000	Cử nhân Kế toán	040300018829	
452	2	Sáng	KT.406	Kế toán viên	Lê Thị Thuỳ	Vân	Nữ	02.11.2002	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	040302012590	
453	2	Sáng	KT.406	Kế toán viên	Đặng Thị	Yến	Nữ	22.08.1992	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	040192012918	
454	2	Sáng	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III (khoa học máy tính, khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo)	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	09.04.1999	Cử nhân chuyên ngành Toán ứng dụng và Tin học	040099024815	
455	2	Sáng	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Lưu Hải	Đặng	Nam	12.04.2000	Cử nhân Hệ thống thông tin	040200013346	
456	2	Sáng	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Phạm Bá	Hiếu	Nam	20.01.2002	Kỹ sư công nghệ phần mềm	040202011867	
457	2	Sáng	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Đỗ Việt	Hoàng	Nam	05.05.2000	Kỹ sư kỹ thuật phần mềm	040200020554	
458	2	Sáng	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Lê Xuân	Kiên	Nam	24.10.1997	Cử nhân kỹ thuật phần mềm	040097029620	
459	2	Sáng	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Ngô Quang Nhật	Minh	Nam	02.09.2002	Cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật phần mềm	040202014947	
460	2	Sáng	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Ngô Ngọc	Tấn	Nam	09.12.2003	Cử nhân kỹ thuật phần mềm	040203025792	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
461	2	Sáng	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Trần Cao	Tuệ	Nam	18.07.1998	Kỹ sư hệ thống thông tin	040098020571	
462	2	Sáng	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Vương Thế	Vinh	Nam	24.05.1990	Kỹ sư kỹ thuật phần mềm	040090016710	
463	2	Sáng	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Trọng	Dân	Nam	15.11.1994	Kỹ sư Kỹ thuật điện tử truyền thông	040094002782	
464	2	Sáng	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Bùi Văn	Đức	Nam	02.04.1991	Kỹ Sư Công Nghệ Thông Tin	040091004806	
465	2	Sáng	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Đặng Minh	Hiếu	Nam	11.05.2001	Kỹ sư công nghệ thông tin	040201023717	
466	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Phan Trung	Hiếu	Nam	17.09.1991	Cử nhân công nghệ thông tin	040091042123	
467	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Vũ Trung	Hiếu	Nam	26.08.1996	Kỹ sư công nghệ thông tin	040096023743	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
468	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	20.08.1988	Kỹ sư Điện tử viễn thông	040088001272	
469	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Phan Đình	Hùng	Nam	23.02.1988	Kỹ sư điện tử viễn thông	040088002706	
470	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Phạm Duy	Hùng	Nam	02.04.1992	Kỹ sư Điện tử Truyền thông	040092041856	
471	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Đoàn An	Hung	Nam	31.03.1999	Kỹ sư công nghệ thông tin	040099018528	
472	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Mông Mạnh	Hung	Nam	04.02.2002	Kỹ sư công nghệ thông tin	040202023265	Dân tộc Thái
473	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Khánh	Hung	Nam	23.08.2001	Kỹ sư Công nghệ thông tin	040201024129	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
474	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Tất	Lộc	Nam	17.09.2003	Cử nhân công nghệ thông tin	040203006576	
475	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Trần Thị Thu	Lựu	Nữ	14.07.2003	Kỹ sư Công nghệ thông tin	040303008289	
476	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Trọng	Nhật	Nam	05.11.2001	Kỹ sư Công nghệ thông tin	040201018580	
477	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Võ Minh	Nhật	Nam	21.09.1999	Kỹ sư công nghệ thông tin	040099009697	
478	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Trần Văn	Pháp	Nam	10.09.2000	Kỹ Sư Công Nghệ Thông Tin	040200017589	
479	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Tiến	Quang	Nam	13.01.1997	Kỹ sư Công Nghệ Thông Tin	040097000294	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
480	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Lê Thị T	Thảo	Nữ	17.05.1986	Cử nhân Công nghệ thông tin	040186019694	
481	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Hữu	Thọ	Nam	25.11.1990	Kỹ sư Kỹ thuật điện tử - viễn thông	040090017555	
482	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Phạm Như	Thuần	Nam	05.02.2001	Cử nhân công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	040201020675	
483	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Viết	Trọng	Nam	26.08.1996	Công nghệ thông tin	040096030157	
484	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Trọng	Trường	Nam	23.11.2001	Kỹ sư công nghệ thông tin	040201018385	
485	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Lê Quang	Vinh	Nam	02.10.2000	kỹ sư công nghệ thông tin	040200016796	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
486	2	Sáng	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Phạm Tuấn	Vũ	Nam	28.10.1990	Kỹ sư Điện tử viễn thông	040090018873	
487	2	Sáng	KT.407	Kỹ sư hạng III (xây dựng)	Nguyễn Bá	Kiên	Nam	29.11.1990	Kiến trúc sư	040090016913	Con thương binh
488	2	Sáng	KT.408	Kỹ sư hạng III (xây dựng)	Nguyễn Đình	Thành	Nam	01.05.1993	Kiến Trúc Sư	040093006511	
489	2	Sáng	KT.408	Kỹ sư hạng III (xây dựng)	Hoàng Đình	Thập	Nam	06.05.1979	Kiến trúc sư	040079004436	
490	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Đặng Thị Hoài	An	Nữ	04.04.1995	Cử nhân kinh tế	040195014234	
491	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Đậu Thị Thiên	Ân	Nữ	16.11.1999	Cử nhân Quản trị Nhân lực	040199010925	
492	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	06.12.2003	Cử nhân Thương mại quốc tế	040303006439	
493	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Đức	Anh	Nam	03.05.2002	Cử nhân Quản trị kinh doanh	040202004170	
494	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Lưu Tuấn	Anh	Nam	18.05.1991	Cử nhân quản trị kinh doanh	040091006015	
495	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Lê Nguyễn Mai	Anh	Nữ	11.01.1999	Cử nhân Quản trị kinh doanh	040199013951	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
496	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Hoàng Thị	Ánh	Nữ	14.06.1999	Cử nhân quản lý nhà nước chuyên ngành quản lý tổ chức và nhân sự	040199016146	
497	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Việt	Dũng	Nam	28.05.1989	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	040089026470	
498	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Thái	Dương	Nam	14.12.2002	Cử nhân Quản trị kinh doanh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện	040202018606	
499	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Thị Mai	Giang	Nữ	02.01.2001	Cử nhân ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	040301000557	
500	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Thị Ngân	Hà	Nữ	02.09.2003	Cử nhân Quản trị nhân lực	040303020190	
501	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	02.02.1992	Cử nhân Quản trị nhân lực	040192033115	Con thương binh
502	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Lê Thị	Hằng	Nữ	22.07.1991	Cử nhân Quản lý văn hoá	040191000924	
503	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	25.06.2002	Cử nhân Kinh tế phát triển	040302011035	
504	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Lê Khánh	Huyền	Nữ	10.10.1994	Thạc sĩ Kinh tế	040194011880	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
505	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Tuấn	Mạnh	Nam	05.10.2002	Cử nhân Kinh tế	040202025519	
506	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	27.08.1996	Cử nhân quản trị kinh doanh	066196000932	
507	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Cao Thị Huyền	Trang	Nữ	12.08.1999	Thạc sĩ Luật kinh tế	040199008924	
508	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Trần Mạnh	Trung	Nam	15.03.2003	Cử nhân Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Quản trị Bệnh viện	040203004183	
509	2	Sáng	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Lăng Hoàng	Yến	Nữ	02.05.2002	Cử nhân Khoa học quản lý - chuyên ngành Quản lý Kinh tế	040302020473	
510	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Nguyễn Sỹ Tuấn	Bảo	Nam	07.01.1999	Cử nhân luật	040099023393	
511	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Phạm Thị Hồng	Giang	Nữ	10.02.1995	Cử nhân Quản lý nhà nước tương đương ngành Hành chính học	042195015559	
512	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Đặng Thị Ngọc	Hiệp	Nữ	07.05.1998	Cử nhân Quản lý nhà nước tương đương ngành Hành chính học	042198012167	
513	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Nguyễn Thị Hà	Phương	Nữ	17.03.1997	Cử nhân Luật	040197000942	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
514	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Nguyễn Khánh	Tân	Nữ	05.07.1990	Thạc sỹ Luật	040190033934	
515	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Phùng Anh	Thơ	Nữ	12.06.2003	Cử nhân Luật	040303003118	
516	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	24.11.2002	Cử nhân Quản trị Văn phòng	040302019202	
517	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Thái Ngọc	An	Nữ	22.10.2003	Cử nhân Luật kinh tế	040303002746	
518	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Nguyễn Minh	Châu	Nữ	14.08.2001	Cử nhân Luật Kinh tế	040301012364	
519	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	20.01.1998	Cử nhân Luật	040198027194	
520	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	22.10.1996	Cử nhân Luật Kinh tế	040196030083	
521	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	10.06.1996	Thạc sỹ Luật Kinh tế	040196001954	
522	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Lê Thị Anh	Mai	Nữ	25.09.2003	Cử nhân Luật	040303004525	
523	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Hoàng Thị	Nga	Nữ	04.09.1994	Cử nhân Luật	040194026306	
524	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Nguyễn Thị Tuệ	Phương	Nữ	07.09.2000	Cử nhân Luật kinh tế	040300008720	
525	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Thái Bá	Quân	Nam	03.07.1995	Thạc sỹ Luật	040095022308	
526	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Hà Anh	Thủy	Nữ	06.11.2003	Cử nhân Luật	040303005736	
527	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Trịnh Thị Ánh	Tuyết	Nữ	17.09.2001	Cử nhân Luật	040301017465	

Số báo danh	Ca thi	Buổi thi	Phòng thi	Vị trí tuyển dụng	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Đối tượng ưu tiên
528	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	Lê Ngọc	Châu	Nữ	16.10.1992	Cử nhân Luật	040192010737	
529	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	30.10.1999	Cử nhân Luật	040199007100	
530	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	Hoàng Diệu	Linh	Nữ	21.12.1999	Cử nhân Luật	011199005954	Dân tộc Thái
531	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	Hoàng Thái Thanh	Tâm	Nữ	14.11.1999	Cử nhân Luật	040199022415	
532	2	Sáng	KT.409	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	Thái Thị Thu	Thùy	Nữ	07.08.2002	Cử nhân Luật kinh tế	040302005445	

DANH SÁCH THÍ SINH THAM GIA THI TUYỂN VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2025
Môn thi Ngoại ngữ

(Đính kèm Thông báo số 410/TB-BV ngày 26/01/2026 của Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2025)

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
1	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lê Thị	An	07.12.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301019717		
2	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Duy	An	06.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201009064		
3	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Bảo	An	01.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201017833		
4	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Phan Đình Tuấn	Anh	19.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201005203		
5	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Vân	Anh	15.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300005784		
6	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lữ Tiến	Anh	13.03.1999	Bác sĩ y đa khoa	040099017666		Dân tộc Thái
7	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	14.12.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301015371		
8	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Trâm	Anh	02.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301013213		
9	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nghiêm Thị Ngọc	Ánh	02.09.2000	Bác sĩ y đa khoa	042300008640		
10	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	07.12.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300016485		
11	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Trương Thị Ngọc	Ánh	29.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301001923		
12	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Hồ Sỹ	Bằng	21.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201019217		
13	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Quang	Bình	18.03.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201023259		
14	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lê Huy	Cần	08.05.2000	Bác sĩ y đa khoa	042200007912		
15	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Cao Thị Yến	Chi	10.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	042301010236		
16	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Hoàng Thị Linh	Chi	16.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301000517		Con thương binh
17	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lê Hồng	Chiến	17.07.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098014299		
18	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Trần Ngọc	Cường	06.03.2001	Bác sĩ y đa khoa	038201014210		
19	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lê Kim	Đại	13.07.200	Bác sĩ y đa khoa	040201021233		
20	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Đặng Duy Hải	Đăng	05.10.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200004122		
21	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Đào Tiến	Đạt	15.06.1999	Bác sĩ y đa khoa	040099003027		
22	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thành	Đạt	26.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201005723		
23	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thành	Đạt	25.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	049201008503		
24	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Đức	Định	29.01.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098013852		
25	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Anh	Đức	13.03.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200012984		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
26	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Đăng	Đức	24.08.1995	Bác sĩ y đa khoa	040095003766	Cử nhân ngôn ngữ Anh	
27	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Hoàng Thị	Dung	12.12.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301007672		
28	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thuỳ	Dung	30.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301016869		
29	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Lê Văn	Dũng	22.10.2000	Bác sĩ y đa khoa	064200011464		
30	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Phan Doãn	Dương	08.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201008561		Con thương binh
31	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Trường	Duy	27.01.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098016952		
32	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Hà Thị Mỹ	Duyên	02.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301011930		Dân tộc Thái
33	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Giang	01.01.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300014566		
34	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Bùi Thị Quỳnh	Giang	11.09.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199021007		
35	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Trà	Giang	24.03.1998	Bác sĩ y đa khoa	042198005019		
36	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Võ Thị Thu	Hà	11.10.2000	Bác sĩ y đa khoa	042300002703		
37	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Cung Đình	Hải	28.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201007891		
38	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Lê Thị	Hằng	06.07.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199013198		
39	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Hồ Thị Minh	Hằng	09.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301009886		
40	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Phạm Văn	Hạnh	10.10.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098027383		
41	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Lê Thị	Hạnh	26.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301013303		Con thương binh
42	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Trần Thị	Hạnh	28.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301010730		
43	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Hạnh	27.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300018026		
44	1	KT.302	Bác sĩ hạng III	Trần Văn	Hậu	20.10.1993	Bác sĩ y đa khoa	042093020377		
45	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Văn	Hiển	18.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	042200006961		
46	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Thu	Hiển	22.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301023770		
47	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Hồ Thị	Hoa	07.05.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300002429		
48	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Lê Thị	Hoài	05.01.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199014316		
49	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Võ Văn	Hoàng	15.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201001509		
50	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Cao Đăng	Hoàng	31.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201008684		
51	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Đình	Hoạt	16.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201016491		
52	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Hoàng Đình	Hợp	02.12.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200020241		
53	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Đào Thị Thu	Hương	27.01.1993	Bác sĩ y đa khoa	042193020782		
54	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Phan Lê Quốc	Huy	23.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201023725		
55	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Đặng Bùi	Huy	06.05.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201014943		
56	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Huyền	10.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	042301007785		
57	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Bùi Quốc	Khánh	02.09.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200021728		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
58	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Võ Văn	Khánh	14.02.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200020079		
59	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Khánh	Linh	06.01.1998	Bác sĩ y đa khoa	040198008224		
60	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Phương	Linh	17.05.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301002356		
61	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Linh	16.06.1998	Bác sĩ y đa khoa	042198005361		
62	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Trần Thị	Linh	17.05.1997	Bác sĩ y đa khoa	040197006999		
63	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Lưu Thị Thùy	Linh	23.02.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300018303		
64	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Dương Thị Thuỳ	Linh	02.08.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199018081		
65	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Trần Thị	Loan	18.08.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199015181		
66	1	KT.303	Bác sĩ hạng III	Trần Văn	Lợi	16.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201008195		
67	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Chu Thăng	Long	10.06.2000	Bác sĩ y đa khoa	042200003015		
68	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Văn	Long	01.10.1983	Bác sĩ y đa khoa	040083006950		
69	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Lương	20.06.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199023277		
70	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	15.02.1998	Bác sĩ y đa khoa	040198015876		
71	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hoa	Mai	30.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301013731		
72	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Tăng Thị Sao	Mai	09.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301015986		
73	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Huyền	My	20.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301010233		
74	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Mỹ	10.10.1996	Bác sĩ y đa khoa	040196002948		
75	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Đàm Thị Thu	Na	19.02.2000	Bác sĩ y đa khoa	044300002654		
76	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn	Nai	25.02.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098009783		
77	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Lê Đức	Nam	13.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201007840		
78	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Hoàng	Nam	26.10.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098016503		
79	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	26.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301023953		
80	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	27.12.1995	Bác sĩ y đa khoa	042195017757	Cử nhân ngôn ngữ Anh	
81	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Đoàn Trọng	Nghĩa	16.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201005954		
82	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Ngọc	20.11.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301023303		
83	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Hoàng Văn	Ngọc	19.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201007787		
84	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Trịnh Phạm Khôi	Nguyên	20.09.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200020584		
85	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Hồ Mỹ	Nguyên	27.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301010801		
86	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Ngô Hưng	Nhật	25.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201023676		
87	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Trang	Nhung	22.03.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301010095		
88	1	KT.304	Bác sĩ hạng III	Phạm Thị	Nhung	16.04.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199007732		
89	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Đinh Thị Lâm	Oanh	15.11.1998	Bác sĩ y đa khoa	040198020144		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
90	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Hoàng Thị	Phương	27.11.1997	Bác sĩ y đa khoa	040197025235		
91	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Trần Thị	Phương	19.12.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301008166		
92	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Hồ Thị	Quỳnh	27.02.1999	Bác sĩ y đa khoa	040199009801		
93	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Phạm Như	Quỳnh	07.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301011095		
94	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Ngọc	Sáng	16.08.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200010270		
95	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Cao Văn	Son	10.11.1996	Bác sĩ y đa khoa	040096017478		
96	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Sương	28.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301024497		
97	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Hữu	Tài	17.08.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098022579		
98	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Văn Minh	Tân	11.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201000475		
99	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Võ Thị Linh	Tân	20.05.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301007377		
100	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Hữu	Thắng	05.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201000427		
101	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Thảo	07.10.1997	Bác sĩ y đa khoa	040197003018	Cử nhân ngôn ngữ Anh	
102	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Trương Thị	Thảo	10.08.1997	Bác sĩ y đa khoa	040197015644		
103	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Lê Thị Phương	Thảo	08.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301019954		
104	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	16.02.1995	Bác sĩ y đa khoa	040195012682		
105	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Văn	Thiện	13.10.1999	Bác sĩ y đa khoa	040099009525		
106	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Đức	Thịnh	02.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201010437		Dân tộc Mường
107	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hoài	Thu	20.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301009094		
108	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Lê Thị	Thư	05.07.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300027506		
109	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Đặng Đức	Thuận	25.02.1993	Bác sĩ y đa khoa	040093017852		Quân nhân xuất ngũ
110	1	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Thương	06.11.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301001514		
111	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Phạm Thị Khánh	Thương	28.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300018637		
112	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Bích	Thương	20.04.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300011483		
113	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Thủy	01.01.1998	Bác sĩ y đa khoa	040198018183		
114	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Thủy	02.01.2000	Bác sĩ y đa khoa	042300012022		
115	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Phan Đức	Tiến	15.08.1999	Bác sĩ y đa khoa	040099022822		
116	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Văn	Toàn	03.02.1996	Bác sĩ y đa khoa	040096005457		
117	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Khánh	Toàn	24.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201024579		Con thương binh
118	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Trọng	Trái	30.03.1999	Bác sĩ y đa khoa	040099015621		
119	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Hồ Ngọc	Trâm	18.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301023927		
120	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Lê Thị	Trang	25.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	042301010612		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
121	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Trần Như	Trang	02.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	042301006700		
122	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Viên Thị Minh	Trang	21.01.1999	Bác sĩ y đa khoa	042199004723		
123	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Hoàng Thị	Trang	28.03.2000	Bác sĩ y đa khoa	038300015349		
124	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thuỳ	Trang	14.11.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301020114		
125	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Huyền	Trang	06.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	042301010944		
126	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Đặng Kim	Trang	26.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301014801		
127	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Trần Đình	Trường	29.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201019730		Học viên tốt nghiệp sĩ quan dự bị
128	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Hồ Thị Cẩm	Tú	15.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301008583		
129	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Lê Thị	Tú	20.10.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300019157		
130	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Tú	22.09.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300021322		
131	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Đức	Tuấn	24.09.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098012972		
132	1	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Như	Tuấn	01.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	040201026010		
133	1	KT.307	Bác sĩ hạng III	Đỗ Viết	Tùng	12.05.1999	Bác sĩ y đa khoa	038099007367		
134	1	KT.307	Bác sĩ hạng III	Lương Văn	Tuyền	27.07.1998	Bác sĩ y đa khoa	040098021370		Dân tộc Thái
135	1	KT.307	Bác sĩ hạng III	Hoàng Thị	Uyên	10.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301004580		
136	1	KT.307	Bác sĩ hạng III	Võ Tú	Uyên	31.05.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301005936		
137	1	KT.307	Bác sĩ hạng III	Phan Thị Thảo	Vân	04.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	040300014856		
138	1	KT.307	Bác sĩ hạng III	Phan Đình	Vinh	04.05.2000	Bác sĩ y đa khoa	040200024949		
139	1	KT.307	Bác sĩ hạng III	Đinh Thị Tường	Vy	11.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301008143		
140	1	KT.307	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Bảo	Yến	26.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	040301020994		
141	1	KT.307	Dược sĩ hạng III	Bùi Đình	Cảnh	29.01.2002	Dược sĩ Đại học	040202009335		
142	1	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Ngọc	Chi	14.02.2002	Dược sĩ Đại học	040302006074		
143	1	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Huyền	Chinh	18.02.2002	Dược sĩ Đại học	040302016317		
144	1	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thành	Đạt	28.02.1999	Dược sĩ Đại học	040099005003		
145	1	KT.307	Dược sĩ hạng III	Đỗ Quốc	Dũng	29.11.1989	Dược sĩ Đại học	042089014231		Con thương binh
146	1	KT.307	Dược sĩ hạng III	Lê Thị Mỹ	Duyên	04.02.2001	Dược sĩ Đại học	040301013786		
147	1	KT.307	Dược sĩ hạng III	Phan Thị Thanh	Giang	12.07.2002	Dược sĩ Đại học	040302016724		
148	1	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Trà	Giang	25.05.2000	Dược sĩ Đại học	040300016818		
149	1	KT.307	Dược sĩ hạng III	Bùi Thị Ngọc	Hà	31.10.2000	Dược sĩ Đại học	040300008036		
150	1	KT.307	Dược sĩ hạng III	Lê Thị Mỹ	Hạnh	03.02.1997	Dược sĩ Đại học	040197011830		
151	1	KT.307	Dược sĩ hạng III	Trương Thị Thu	Hiền	03.11.2002	Dược sĩ Đại học	044302002031		
152	1	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Hiếu	01.10.2000	Dược sĩ Đại học	040300020058		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
153	1	KT.307	Dược sĩ hạng III	Phạm Hoài Thanh	Hoa	16.06.2000	Dược sĩ Đại học	042300007235		
154	1	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Hoa	08.06.1998	Dược sĩ Đại học	042198000135		
155	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Hòa	07.03.1989	Dược sĩ Đại học	040189027323		
156	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Văn Việt	Hoàng	26.10.2002	Dược sĩ Đại học	040202016189		
157	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Mai	Hương	10.08.2001	Dược sĩ Đại học	040301013623		
158	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Thanh	Lam	26.03.2000	Dược sĩ Đại học	040300026161		
159	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Hoàng Thị	Lam	19.07.2000	Dược sĩ Đại học	040300006563		
160	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Công	Lâm	04.01.2002	Dược sĩ Đại học	040202021683		
161	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Trần Thị	Lê	07.06.2001	Dược sĩ Đại học	040301023834		
162	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Yến	Linh	23.12.2000	Dược sĩ Đại học	040300015995		Dân tộc Thổ
163	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Thái Nguyễn Thảo	Linh	09.05.2001	Dược sĩ Đại học	042301007051		
164	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Tổng Ai	Linh	05.01.2002	Dược sĩ Đại học	042302005899		
165	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Khánh	Linh	25.11.2000	Dược sĩ Đại học	040300006844		
166	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Ngô Thanh	Lộc	13.03.2001	Dược sĩ Đại học	040301023046		
167	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Lê Tiến	Long	15.08.2000	Dược sĩ Đại học	040200020031		
168	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Văn	Mạnh	19.08.2002	Dược sĩ Đại học	040202005566		
169	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Trần Văn	Mạnh	16.10.2002	Dược sĩ Đại học	040202020660		
170	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Ngọc	Mơ	23.11.2000	Dược sĩ Đại học	040300025545		
171	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Trần Thảo	My	24.04.2001	Dược sĩ Đại học	040301022014		
172	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Võ Linh	Nga	15.11.2000	Dược sĩ Đại học	040300008692		
173	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Phan Tổ	Nga	31.10.2002	Dược sĩ Đại học	042302000352		
174	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Hoàng	Nghiêm	27.01.2002	Dược sĩ Đại học	040202016226		
175	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Phan Tuấn	Nguyên	18.08.2002	Dược sĩ Đại học	042202008935		
176	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Trần Thị	Phong	19.01.1998	Dược sĩ Đại học	042198007100		
177	1	KT.309	Dược sĩ hạng III	Trần Thị	Phương	26.05.1999	Dược sĩ Đại học	042199000388		
178	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thái Mai	Phương	08.04.2002	Dược sĩ Đại học	040302006494		
179	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hương	Phương	21.08.1997	Dược sĩ Đại học	040197000834		
180	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Dương Đình	Quý	30.10.1994	Dược sĩ Đại học	042094014740		
181	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Tăng Thị	Quyên	19.10.2002	Dược sĩ Đại học	040302016396		
182	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Qỳnh	13.08.2001	Dược sĩ Đại học	040301017087		
183	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Phạm Diễm	Qỳnh	02.01.1999	Dược sĩ Đại học	040199012238		
184	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hải	Qỳnh	28.10.2002	Dược sĩ Đại học	040302020002		
185	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Phạm Thị Xuân	Qỳnh	09.06.2001	Dược sĩ Đại học	040301010482		Con thương binh
186	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Vi Thái	Son	24.10.1992	Dược sĩ Đại học	040092040815		Dân tộc Thái

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
187	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Lê Thị Mai	Sương	01.09.1998	Dược sĩ Đại học	040198022959		
188	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Thanh	12.12.2001	Dược sĩ Đại học	040301022519		
189	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Đặng Thị Phương	Thảo	15.12.2002	Dược sĩ đại học	042302007043		
190	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Hoàng Thị Dương	Thảo	26.09.2002	Dược sĩ Đại học	040302005066		
191	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Thoa	01.09.1995	Dược sĩ Đại học	040195020986		
192	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Trịnh Xuân Anh	Thông	27.01.2001	Dược sĩ Đại học	040201015468		Dân tộc Thái
193	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hoài	Thương	20.04.2001	Dược sĩ Đại học	040301000440		
194	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Phương	Thúy	07.05.1997	Dược sĩ Đại học	040197001838		
195	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Phan Thị Kim	Trâm	17.04.2000	Dược sĩ Đại học	040300024197		
196	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Hồ Thị Kim	Trang	27.07.2000	Dược sĩ Đại học	040300021878		
197	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	02.10.2001	Dược sĩ Đại học	040301004503		
198	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Trần Thu	Trang	02.01.2002	Dược sĩ Đại học	042302005500		
199	1	KT.406	Dược sĩ hạng III	Phan Thị Quỳnh	Trang	05.04.1995	Dược sĩ Đại học	040195011673		
200	1	KT.407	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Huyền	Trang	04.09.2002	Dược sĩ Đại học	040302019203		
201	1	KT.407	Dược sĩ hạng III	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	16.04.2001	Dược sĩ Đại học	040301014268		
202	1	KT.407	Dược sĩ hạng III	Đặng Thị	Trang	02.02.2000	Dược sĩ Đại học	040300015121		
203	1	KT.407	Dược sĩ hạng III	Phùng Thị Cẩm	Tú	08.03.2002	Dược sĩ Đại học	040302021805		
204	1	KT.407	Dược sĩ hạng III	Hà Văn	Tùng	30.10.2001	Dược sĩ Đại học	040201018642		
205	1	KT.407	Dược sĩ hạng III	Phạm Thị Tú	Uyên	29.07.2002	Dược sĩ Đại học	040302006612		
206	1	KT.407	Dược sĩ hạng III	Lê Thị Tú	Uyên	11.07.1999	Dược sĩ Đại học	040199022402		Con thương binh
207	1	KT.407	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị	Việt	02.09.1998	Dược sĩ Đại học	040198020104		
208	1	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	An	05.08.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	040192002518		
209	1	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Ngô Thị Vân	Anh	04.09.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303016231		
210	1	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Tú	Anh	25.06.1996	Cử nhân Điều Dưỡng	040196018569		
211	1	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Minh	Anh	29.10.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	040301023561		
212	1	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Minh	Ánh	27.05.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300016752		
213	1	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	16.09.1988	Cử nhân Điều Dưỡng	040188006845		Con thương binh

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
214	1	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	18.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303006682		
215	1	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Linh	Chi	03.09.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	040198003598		
216	1	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Cúc	17.07.1997	Cử nhân Điều Dưỡng	040197008051		
217	1	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị	Đào	27.02.1986	Cử nhân Điều Dưỡng	040186031997		
218	1	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Huyền	Diệu	23.12.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303001728		
219	1	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị	Định	12.01.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	038199027665		Dân tộc Mường
220	1	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Thuý	Dung	20.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303007933		
221	1	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Thuý	Dung	05.06.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	040193035537		
222	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Dung	27.03.1996	Cử nhân Điều Dưỡng	040196016396		
223	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Dung	07.05.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	042199002959		
224	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Đinh Thị	Giang	28.03.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303024634		
225	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Đặng Trà	Giang	10.10.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	040194009539		Con thương binh
226	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị Quỳnh	Giang	01.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303002562		
227	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Giang	14.05.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	040194018040		
228	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Hữu	Giang	24.07.1988	Cử nhân Điều Dưỡng	040088038135		Con thương binh
229	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hà	08.11.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	040199004266		
230	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hà	25.02.1985	Cử nhân Điều Dưỡng	040185032825		Con thương binh

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
231	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hà	10.10.1986	Cử nhân Điều Dưỡng	040186029258		Con thương binh
232	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hà	04.09.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	040195019094		
233	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hà	10.02.1997	Cử nhân Điều Dưỡng	040197009143		
234	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hằng	01.09.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	042194011338		
235	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị Hồng	Hạnh	08.11.1991	Cử nhân Điều Dưỡng	040191012046		
236	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Đặng Thị	Hào	16.03.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303003599		
237	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Ngô Thị	Hiền	30.05.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	040193007420		
238	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Đinh Thị	Hiền	25.09.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	042198009094		
239	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Minh	Hiền	09.10.1997	Cử nhân Điều Dưỡng	042197003790		
240	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	26.07.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302009187		
241	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Văn	Hiền	07.07.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	064200013579		
242	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hoa	29.03.1997	Cử nhân Điều Dưỡng	040197003965		
243	1	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Hoài	03.10.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	040199018031		
244	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Hoài	26.06.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300024427		
245	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Mỹ	Hoài	26.04.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	044198009949		
246	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Võ Thị	Hồng	20.12.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	040192009581		
247	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Mai	Hương	14.11.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303025878		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
248	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Ngô Khánh	Huyền	10.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303007090		
249	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Thanh	Huyền	21.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303008521		
250	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thanh	Huyền	04.03.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300005376		
251	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Huyền	02.10.1990	Cử nhân Điều Dưỡng	040190029553		
252	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Hà Mạnh	Hùynh	26.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040203001899		
253	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Phùng Thị	Khuyên	20.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303012867		
254	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Ngô Trí	Kiên	07.05.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	040201020107		
255	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Oanh	Kiều	09.01.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	040192032343		
256	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Cao Thị Thanh	Lam	14.01.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303002537		
257	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	14.08.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303005527		
258	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Thái Thị	Lan	07.09.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	042193004899		
259	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Thị Cẩm	Linh	03.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303007997		
260	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Dương Thị Khánh	Linh	20.01.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303001585		
261	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Linh	27.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303001640		
262	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Thuý	Linh	14.05.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300012057		
263	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị Mỹ	Linh	20.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303010789		
264	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Yến	Linh	28.09.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	040193030225		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
265	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Mỹ	Linh	15.07.1997	Cử nhân Điều Dưỡng	040197018314		
266	1	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Long	10.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303014783		
267	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị	Lương	05.07.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	040192009191		
268	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Lượng	24.10.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	042195008890		
269	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Đậu Thị	Ly	18.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303009491		
270	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Mùi	21.08.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303011471		
271	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị	Mỹ	12.01.1997	Cử nhân Điều Dưỡng	040197021086		Dân tộc Thổ
272	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Lô Kha Lê	Na	15.09.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303027239		Dân tộc Thái
273	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Thị Lê	Na	20.07.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300013269		
274	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Lê	Na	26.05.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303014019		
275	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị	Nga	14.02.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300015154		
276	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Hằng	Nga	11.09.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303002291		
277	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Nga	11.10.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	040193010713		
278	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị Kim	Ngân	12.06.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303022744		
279	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Cao Thị	Ngân	15.08.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300015431		
280	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Nghĩa	26.06.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	040195030960		
281	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị	Ngọc	12.04.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	040194013917		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
282	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Bùi Thị Hồng	Ngọc	16.03.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300007744		
283	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Ngọc	23.01.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	042302009096		
284	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	15.10.1991	Cử nhân Điều Dưỡng	040191021601		Con thương binh, bệnh binh
285	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị	Ngọc	20.03.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	040193013801		
286	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Trương Thị Hồng	Nguyên	01.01.1988	Cử nhân Điều Dưỡng	040188019708		
287	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Nguyệt	22.12.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303019239		
288	2	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Phan Thị	Nguyệt	18.08.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303006072		
289	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị Thu	Nguyệt	22.03.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303014179		
290	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Đinh Thị	Nguyệt	02.12.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	040192037504		
291	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Chu Thị Ngọc	Nhi	19.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303006989		
292	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Ninh	03.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303016789		
293	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Hà	Ny	03.08.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	042198010747		
294	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị	Oanh	12.07.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	040193027457		
295	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị	Phương	13.10.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	040198012173		
296	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Phương	12.10.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302012749		
297	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Phượng	27.06.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	040193008130		
298	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Minh	Quang	02.04.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	040099017938		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
299	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Văn	Quang	27.02.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040202025516		
300	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Tôn Thị Hồng	Quyên	28.03.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	042301000822		
301	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị	Qùynh	13.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303024088		
302	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Sâm	10.10.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	040195001325		
303	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Sang	23.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303005084		
304	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị Thanh	Tâm	02.02.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300022183		
305	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Đặng Thị	Tâm	10.09.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	040192027273		
306	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Tân	23.06.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	040199009982		
307	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Võ Thị	Thanh	19.03.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303014786		
308	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Song	Thao	04.03.1982	Cử nhân Điều Dưỡng	040182017804		Con Bệnh binh
309	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15.07.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303004539		
310	2	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Thi	15.09.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	040301009067		
311	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị	Thơm	01.02.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	042195014265		
312	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị	Thông	15.08.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	040192022434		
313	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Thu	14.08.1991	Cử nhân Điều Dưỡng	044191013494		
314	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Thư	01.07.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302002375		
315	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị	Thương	29.11.1989	Cử nhân Điều Dưỡng	040189014136		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
316	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Hoài	Thương	06.07.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	014303009774		
317	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Phan Thị	Thương	26.02.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	040199019049		
318	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Huyền	Thương	27.10.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	040199017745		
319	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Thương	19.02.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	040301021054		
320	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Hoài	Thương	19.05.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	042301004885		
321	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thanh	Thúy	19.08.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	042199007574		
322	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	08.03.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302009208		
323	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Thúy	22.10.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	040300010977		
324	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Thị	Thùy	29.05.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302013304		
325	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Phan Thị	Thùy	02.02.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	068300008800		
326	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Phương	Thúy	30.08.1984	Cử nhân Điều Dưỡng	042184015540		
327	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Trần	Thùy	15.07.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	040198025414		
328	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Võ Thị	Thùy	28.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303005992		
329	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Thái Thị Ngọc	Trâm	12.01.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	040199004283		
330	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Huyền	Trang	13.06.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303003462		
331	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Huyền	Trang	20.09.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	066303002272		
332	2	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Đinh Thị Mai	Trang	23.01.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303009394		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
333	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Bùi Thị	Trang	05.07.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303002518		
334	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Trang	05.04.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	040195035521		
335	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	30.03.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302015199		
336	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Trang	10.07.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	040194034364		
337	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Thúy	Trang	16.12.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	042302009048		
338	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Huyền	Trang	22.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	042303003934		
339	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị	Triều	20.03.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	040195017304		
340	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	18.05.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303001986		
341	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	16.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303007828		
342	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Khắc	Trường	22.11.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040203002345		
343	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Trương Thị Cẩm	Tú	19.04.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302002579		
344	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Hà Cẩm	Tú	16.03.1990	Cử nhân Điều Dưỡng	040190028635		
345	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Cảnh	Tuấn	05.01.1991	Cử nhân Điều Dưỡng	040091002674		
346	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị	Tuyết	18.01.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	040195001064		
347	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Đoàn Diệu	Uyên	28.01.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	040301008877		
348	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Tô	Uyên	11.12.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	042302002855		
349	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Trương Nguyễn Thuý	Vân	18.11.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302013970		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
350	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Bùi Thị Hà	Vi	25.07.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	040302019688		
351	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thảo	Vi	25.07.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	040301003818		
352	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị Tuyết	Vi	25.07.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	040198010501		
353	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị	Yến	15.12.1996	Cử nhân Điều Dưỡng	040196024903		
354	2	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị Hải	Yến	11.11.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	040303021667		
355	2	KT.305	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Hoàng	Yến	16.08.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	042199000930		
356	2	KT.305	Điều Dưỡng Hạng III	Mai Thị	Yến	25.01.1989	Cử nhân Điều Dưỡng	040189009498	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	
357	2	KT.305	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Hoàng Hải	Yến	01.06.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	040194011494		Con thương binh
358	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Dương Ngọc	Ánh	12.04.1997	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042197005963		
359	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thị	Ánh	27.05.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	036303013006		
360	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Tiến	Cầu	27.02.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042203004290		
361	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Trọng	Đại	18.08.1998	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040098005716		
362	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Quốc	Đại	07.07.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042200007094		
363	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Bùi Thị Ngọc	Diệp	04.09.2000	Cử nhân chẩn đoán hình ảnh	040300007639		
364	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Thị	Định	29.01.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040300017590		
365	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thái	Đông	10.02.2001	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh	040201004642		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
366	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Văn	Đức	05.02.1997	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042097003663		
367	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Thanh	Đức	02.07.1998	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040098002280		
368	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Hoàng Hồ Mỹ	Duyên	14.03.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	058303001045		
369	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Mai Thu	Hằng	28.07.1998	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040198016007		
370	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Hoàng Văn	Hiển	13.09.1990	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040090033104		
371	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Trần Minh	Hồng	08.09.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040203025482		
372	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Văn	Huy	08.08.2001	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040201006510		
373	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Ngô Thị Diệu	Linh	12.11.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042303010873		
374	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Hà Thị	Mến	11.11.1997	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	042197005745		
375	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Lê Thị	Minh	18.02.1996	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042196006215		Con thương binh
376	2	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Đặng Thành	Nam	14.05.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040200020987		Con thương binh
377	2	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Trọng	Nghĩa	23.09.2001	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040201025958		
378	2	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thị	Nguyệt	11.04.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040303019759		
379	2	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Khắc	Núi	17.04.2001	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	040201013422		
380	2	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20.09.1996	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042196001795		
381	2	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Đinh Thị Thu	Thảo	18.10.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh Y hịc	040303019807		
382	2	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Võ Thị Diệu	Thùy	02.02.1999	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	046199005850		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
383	2	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Hồ Thị Bích	Thủy	02.06.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	042300010611		
384	2	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Văn	Triệu	10.08.1999	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	040099018435		
385	2	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Trần Anh	Tuấn	05.01.1991	Cử nhân hình ảnh y học	040091091706		
386	2	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phan Thị	Xuân	10.10.1992	Cử nhân kỹ thuật y học	040192040690		Con bệnh binh
387	2	KT.306	Chuyên viên tài chính	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	25.02.1995	Cử nhân kinh tế	040195003651		
388	2	KT.306	Chuyên viên tài chính	Trần Kim	Dũng	19.09.1995	Cử nhân kinh tế	040095042197		
389	2	KT.306	Chuyên viên tài chính	Lê Thị Mỹ	Hoa	25.08.2000	Cử nhân kinh tế phát triển	040300014682		
390	2	KT.306	Chuyên viên tài chính	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	10.04.2002	Cử nhân kinh tế	040302004858		
391	2	KT.306	Chuyên viên tài chính	Nguyễn Ngọc	Long	17.08.2000	Cử nhân kế toán chuyên ngành kiểm toán	040200009412		
392	2	KT.306	Chuyên viên tài chính	Lê Thị Minh	Ngân	07.05.1987	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	040187004830		
393	2	KT.306	Chuyên viên tài chính	Phan Thị Hồng	Ngọc	12.12.1992	Cử nhân tài chính ngân hàng	040192014311		Con thương binh
394	2	KT.306	Chuyên viên tài chính	Mai Thu	Phương	27.08.1987	Cử nhân kinh tế	040187020189		
395	2	KT.306	Chuyên viên tài chính	Nguyễn Thị	Phượng	20.06.1998	Cử nhân Kế toán	042198013707		
396	2	KT.306	Chuyên viên tài chính	Nguyễn Thị	Thảo	23.01.1994	Cử nhân tài chính ngân hàng	040194038488		
397	2	KT.306	Chuyên viên tài chính	Đậu Đình	Trung	06.11.2003	Cử nhân Kinh tế	040203009456		
398	2	KT.306	Chuyên viên tài chính	Lê Tuấn	Vinh	24.04.2003	Cử nhân tài chính ngân hàng	040203004164		
399	2	KT.307	Kế toán viên	Phan Thị Phương	An	06.09.1999	Cử nhân Kế toán	040199020391		
400	2	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Hoàng	An	17.09.2002	Cử nhân Kế toán	040302022488		
401	2	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Ngọc	Ân	24.08.1992	Cử nhân Kế toán	040192032741		
402	2	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Thị Minh	Anh	24.03.2000	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng; Cử nhân Kế toán	042300000654		
403	2	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Thị	Ánh	15.02.2000	Cử nhân Kế toán	040300026683		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
404	2	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Thị	Bích	05.01.1996	Cử nhân Kế toán	040196032557		
405	2	KT.307	Kế toán viên	Phan Thị Phương	Dung	27.08.2001	Cử nhân ngành Kế toán	042301006435		
406	2	KT.307	Kế toán viên	Đỗ Tiến	Dũng	14.02.1998	Cử nhân Kế toán	030098006195		
407	2	KT.307	Kế toán viên	Trần Thị Lam	Giang	19.07.2003	Cử nhân ngành Kế toán	040303002755		
408	2	KT.307	Kế toán viên	Lê Thị Thương	Giang	01.10.1993	Cử nhân Tài chính- Ngân hàng	040193039010		
409	2	KT.307	Kế toán viên	Đinh Thị	Giang	15.05.1989	Cử nhân Kế toán	040189028770		
410	2	KT.307	Kế toán viên	Lê Thị Thanh	Hà	18.12.1999	Cử nhân Kế toán	040199016965		
411	2	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Thị Việt	Hà	24.11.1998	Thạc sĩ kinh tế - ngành kế toán	040198019929		
412	2	KT.307	Kế toán viên	Dương Thị Thu	Hà	22.06.2003	Cử nhân Kế toán	040303005719		
413	2	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Thị Mai	Hân	27.02.2003	Cử nhân Kế toán	040303005294		
414	2	KT.307	Kế toán viên	Phạm Thị Thu	Hằng	01.01.2003	Cử nhân Kế toán	040303003232		
415	2	KT.307	Kế toán viên	Phan Thị	Hiền	28.10.1993	Cử nhân Kế toán	040193031714		
416	2	KT.307	Kế toán viên	Trần Thị Thu	Hiền	22.03.1991	Cử nhân Kế toán	040191020178		
417	2	KT.307	Kế toán viên	Nghiêm Thị Mai	Hoa	05.06.1995	Cử nhân Kế toán	042195006815		
418	2	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Thị Việt	Hoài	03.02.1998	Cử nhân Kế toán	042198001069		
419	2	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Quang	Hoàng	05.11.2001	Cử nhân Kế toán	040201024432		
420	2	KT.307	Kế toán viên	Trần Tiến	Hùng	02.11.1990	Cử nhân Kế toán	040090041348		Dân tộc Mường
421	2	KT.309	Kế toán viên	Đoàn Thị	Hương	04.09.1987	Thạc sỹ Kế toán	040187020032		
422	2	KT.309	Kế toán viên	Phạm Quang	Huy	04.08.2003	Bằng cử nhân ngành Kế toán	040203015444		
423	2	KT.309	Kế toán viên	Phan Nguyễn Thanh	Huyền	13.03.2001	Cử nhân Kế toán	042301012778		
424	2	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	10.02.2000	Cử nhân Kế toán	042300004021		
425	2	KT.309	Kế toán viên	Lê Thị	Lịch	15.01.2001	Cử nhân ngành kế toán	042301012250		
426	2	KT.309	Kế toán viên	Lê Thùy	Linh	02.09.1991	Cử nhân Kế toán	042191009728		
427	2	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	29.03.1992	Cử nhân Kế toán	040192041012		
428	2	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị	Lộc	20.08.1995	Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng	040195009036		
429	2	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị	Ly	05.07.1990	Cử nhân Kế toán	040190020902		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
430	2	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	26.01.2003	Cử nhân Kế toán	040303003574		
431	2	KT.309	Kế toán viên	Phan Thị Hoàng	Minh	06.06.2002	Cử nhân Tài chính	042302005305		Con thương binh
432	2	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị	Nga	11.04.1989	Cử nhân Kế toán	040189037926		Con thương binh, bệnh binh
433	2	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Kim	Ngân	10.01.2001	Cử nhân Kế toán	040301012571		
434	2	KT.309	Kế toán viên	Trần Thị Kim	Ngân	11.04.1990	Cử nhân Tài chính	040190003982		Con thương binh
435	2	KT.309	Kế toán viên	Bùi Hồ Minh	Ngọc	21.10.2004	Cử nhân Bảo hiểm - Ngân hàng - Tài chính	040304002784		
436	2	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Phan Kiều	Như	10.01.2003	Cử nhân Kế toán	042303002085		
437	2	KT.309	Kế toán viên	Biện Thị	Như	11.06.1992	Cử nhân Kế toán	040192027449		
438	2	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị	Quý	02.12.1993	Cử nhân Kế toán	042193011419		
439	2	KT.309	Kế toán viên	Lê Nhật	Tân	21.09.2001	Cử nhân Kế toán	040201025382		
440	2	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Chí	Thành	28.12.1998	Cử nhân Kế toán	040098012669		
441	2	KT.309	Kế toán viên	Phan Đức	Thành	05.08.1990	Cử nhân Tài chính Ngân hàng	040090031373		
442	2	KT.309	Kế toán viên	Tô Thanh	Thảo	08.01.2003	Cử nhân Kế toán	040303004913		
443	2	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Phương	Thảo	07.11.1998	Cử nhân Kế toán	040198004331		
444	2	KT.406	Kế toán viên	Nguyễn Thị Anh	Thư	15.09.2003	Cử nhân Kế toán	040303020777		
445	2	KT.406	Kế toán viên	Trần Việt	Tiến	23.01.1997	Cử nhân kế toán chuyên ngành kiểm toán	040097010286		
446	2	KT.406	Kế toán viên	Nguyễn Thị Thanh	Trà	27.02.2003	Cử nhân Kế toán	042303002164		
447	2	KT.406	Kế toán viên	Thái Thị Huyền	Trang	15.12.2002	Cử nhân Kế toán	040302018406		
448	2	KT.406	Kế toán viên	Phùng Thuý	Trang	16.11.2002	Cử nhân tài chính ngân hàng	040302007486		
449	2	KT.406	Kế toán viên	Phan Thị Huyền	Trang	20.11.1991	Cử nhân Kế toán	040191032589		
450	2	KT.406	Kế toán viên	Nguyễn Minh	Trọng	11.02.2000	Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng	040200001489		Xuất ngũ đối với hạ sĩ quan và binh sĩ
451	2	KT.406	Kế toán viên	Đậu Thị	Tuyết	15.05.2000	Cử nhân Kế toán	040300018829		
452	2	KT.406	Kế toán viên	Lê Thị Thuý	Vân	02.11.2002	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	040302012590		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
453	2	KT.406	Kế toán viên	Đặng Thị	Yến	22.08.1992	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	040192012918		
454	2	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III (khoa học máy tính, khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo)	Nguyễn Xuân	Trường	09.04.1999	Cử nhân chuyên ngành Toán ứng dụng và Tin học	040099024815		
455	2	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Lưu Hải	Đặng	12.04.2000	Cử nhân Hệ thống thông tin	040200013346		
456	2	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Phạm Bá	Hiếu	20.01.2002	Kỹ sư công nghệ phần mềm	040202011867		
457	2	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Đỗ Việt	Hoàng	05.05.2000	Kỹ sư kỹ thuật phần mềm	040200020554		
458	2	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Lê Xuân	Kiên	24.10.1997	Cử nhân kỹ thuật phần mềm	040097029620		
459	2	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Ngô Quang Nhật	Minh	02.09.2002	Cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật phần mềm	040202014947		
460	2	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Ngô Ngọc	Tấn	09.12.2003	Cử nhân kỹ thuật phần mềm	040203025792		
461	2	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Trần Cao	Tuệ	18.07.1998	Kỹ sư hệ thống thông tin	040098020571		
462	2	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Vương Thế	Vinh	24.05.1990	Kỹ sư kỹ thuật phần mềm	040090016710		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
463	2	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Trọng	Dân	15.11.1994	Kỹ sư Kỹ thuật điện tử truyền thông	040094002782		
464	2	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Bùi Văn	Đức	02.04.1991	Kỹ Sư Công Nghệ Thông Tin	040091004806		
465	2	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Đặng Minh	Hiếu	11.05.2001	Kỹ sư công nghệ thông tin	040201023717		
466	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Phan Trung	Hiếu	17.09.1991	Cử nhân công nghệ thông tin	040091042123		
467	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Vũ Trung	Hiếu	26.08.1996	Kỹ sư công nghệ thông tin	040096023743		
468	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Văn	Hoàng	20.08.1988	Kỹ sư Điện tử viễn thông	040088001272		
469	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Phan Đình	Hùng	23.02.1988	Kỹ sư điện tử viễn thông	040088002706		
470	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Phạm Duy	Hùng	02.04.1992	Kỹ sư Điện tử Truyền thông	040092041856		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
471	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Đoàn An	Hung	31.03.1999	Kỹ sư công nghệ thông tin	040099018528		
472	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Mông Mạnh	Hung	04.02.2002	Kỹ sư công nghệ thông tin	04020203265		Dân tộc Thái
473	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Khánh	Hung	23.08.2001	Kỹ sư Công nghệ thông tin	040201024129		
474	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Tất	Lộc	17.09.2003	Cử nhân công nghệ thông tin	040203006576		
475	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Trần Thị Thu	Lựu	14.07.2003	Kỹ sư Công nghệ thông tin	040303008289		
476	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Trọng	Nhật	05.11.2001	Kỹ sư Công nghệ thông tin	040201018580		
477	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Võ Minh	Nhật	21.09.1999	Kỹ sư công nghệ thông tin	040099009697		
478	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Trần Văn	Pháp	10.09.2000	Kỹ Sư Công Nghệ Thông Tin	040200017589		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
479	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Tiến	Quang	13.01.1997	Kỹ sư Công Nghệ Thông Tin	040097000294		
480	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Lê Thị	Thảo	17.05.1986	Cử nhân Công nghệ thông tin	040186019694		
481	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Hữu	Thọ	25.11.1990	Kỹ sư Kỹ thuật điện tử - viễn thông	040090017555		
482	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Phạm Như	Thuần	05.02.2001	Cử nhân công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	040201020675		
483	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Viết	Trọng	26.08.1996	Công nghệ thông tin	040096030157	Đào tạo Đại học bằng tiếng Anh	
484	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Trọng	Trường	23.11.2001	Kỹ sư công nghệ thông tin	040201018385		
485	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Lê Quang	Vinh	02.10.2000	kỹ sư công nghệ thông tin	040200016796		
486	2	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Phạm Tuấn	Vũ	28.10.1990	Kỹ sư Điện tử viễn thông	040090018873		
487	2	KT.407	Kỹ sư hạng III (xây dựng)	Nguyễn Bá	Kiên	29.11.1990	Kiến trúc sư	040090016913		Con thương binh

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
488	2	KT.408	Kỹ sư hạng III (xây dựng)	Nguyễn Đình	Thành	01.05.1993	Kiến Trúc Sư	040093006511		
489	2	KT.408	Kỹ sư hạng III (xây dựng)	Hoàng Đình	Thập	06.05.1979	Kiến trúc sư	040079004436		
490	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Đặng Thị Hoài	An	04.04.1995	Cử nhân kinh tế	040195014234		
491	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Đậu Thị Thiên	Ân	16.11.1999	Cử nhân Quản trị Nhân lực	040199010925		
492	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Lê Thị Vân	Anh	06.12.2003	Cử nhân Thương mại quốc tế	040303006439		
493	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Đức	Anh	03.05.2002	Cử nhân Quản trị kinh doanh	040202004170		
494	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Lưu Tuấn	Anh	18.05.1991	Cử nhân quản trị kinh doanh	040091006015		
495	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Lê Nguyễn Mai	Anh	11.01.1999	Cử nhân Quản trị kinh doanh	040199013951	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	
496	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Hoàng Thị	Ánh	14.06.1999	Cử nhân quản lý nhà nước chuyên ngành quản lý tổ chức và nhân sự	040199016146	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	
497	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Việt	Dũng	28.05.1989	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	040089026470	Thạc sĩ quản trị kinh doanh đào tạo bằng tiếng Anh	
498	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Thái	Dương	14.12.2002	Cử nhân Quản trị kinh doanh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện	040202018606		
499	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Thị Mai	Giang	02.01.2001	Cử nhân ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	040301000557		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
500	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Thị Ngân	Hà	02.09.2003	Cử nhân Quản trị nhân lực	040303020190		
501	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Trần Thị Thu	Hà	02.02.1992	Cử nhân Quản trị nhân lực	040192033115		Con thương binh
502	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Lê Thị	Hằng	22.07.1991	Cử nhân Quản lý văn hoá	040191000924		
503	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Trần Thị Thanh	Huyền	25.06.2002	Cử nhân Kinh tế phát triển	040302011035		
504	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Lê Khánh	Huyền	10.10.1994	Thạc sĩ Kinh tế	040194011880		
505	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Tuấn	Mạnh	05.10.2002	Cử nhân Kinh tế	040202025519		
506	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Thị Lan	Phương	27.08.1996	Cử nhân quản trị kinh doanh	066196000932		
507	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Cao Thị Huyền	Trang	12.08.1999	Thạc sĩ Luật kinh tế	040199008924		
508	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Trần Mạnh	Trung	15.03.2003	Cử nhân Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Quản trị Bệnh viện	040203004183		
509	2	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Lăng Hoàng	Yến	02.05.2002	Cử nhân Khoa học quản lý - chuyên ngành Quản lý Kinh tế	040302020473		
510	2	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Nguyễn Sỹ Tuấn	Bảo	07.01.1999	Cử nhân luật	040099023393		
511	2	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Phạm Thị Hồng	Giang	10.02.1995	Cử nhân Quản lý nhà nước tương đương ngành Hành chính học	042195015559		
512	2	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Đặng Thị Ngọc	Hiệp	07.05.1998	Cử nhân Quản lý nhà nước tương đương ngành Hành chính học	042198012167		

Số báo danh	Ca thi	Phòng thi	Chức danh tuyển dụng	Họ	tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số Căn cước Công dân	Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên
513	2	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Nguyễn Thị Hà	Phương	17.03.1997	Cử nhân Luật	040197000942		
514	2	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Nguyễn Khánh	Tân	05.07.1990	Thạc sỹ Luật	040190033934		
515	2	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Phùng Anh	Thơ	12.06.2003	Cử nhân Luật	040303003118		
516	2	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Nguyễn Thị	Thúy	24.11.2002	Cử nhân Quản trị Văn phòng	040302019202		
517	2	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Thái Ngọc	An	22.10.2003	Cử nhân Luật kinh tế	040303002746		
518	2	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Nguyễn Minh	Châu	14.08.2001	Cử nhân Luật Kinh tế	040301012364		
519	2	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Nguyễn Thị	Hoa	20.01.1998	Cử nhân Luật	040198027194		
520	2	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	22.10.1996	Cử nhân Luật Kinh tế	040196030083		
521	2	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Nguyễn Khánh	Linh	10.06.1996	Thạc sỹ Luật Kinh tế	040196001954		
522	2	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Lê Thị Anh	Mai	25.09.2003	Cử nhân Luật	040303004525		
523	2	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Hoàng Thị	Nga	04.09.1994	Cử nhân Luật	040194026306		
524	2	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Nguyễn Thị Tuệ	Phương	07.09.2000	Cử nhân Luật kinh tế	040300008720		
525	2	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Thái Bá	Quân	03.07.1995	Thạc sỹ Luật	040095022308		
526	2	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Hà Anh	Thùy	06.11.2003	Cử nhân Luật	040303005736		
527	2	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Trịnh Thị Ánh	Tuyết	17.09.2001	Cử nhân Luật	040301017465		
528	2	KT.409	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	Lê Ngọc	Châu	16.10.1992	Cử nhân Luật	040192010737		
529	2	KT.409	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	Nguyễn Thị Linh	Chi	30.10.1999	Cử nhân Luật	040199007100		
530	2	KT.409	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	Hoàng Diệu	Linh	21.12.1999	Cử nhân luật	011199005954		Dân tộc Thái
531	2	KT.409	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	Hoàng Thái Thanh	Tâm	14.11.1999	Cử nhân luật	040199022415		
532	2	KT.409	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	Thái Thị Thu	Thùy	07.08.2002	Cử nhân Luật kinh tế	040302005445		



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BV HNĐK NGHỆ AN NĂM 2025
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THỜI GIAN BIỂU TỪNG BUỔI THI KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN NĂM 2025**
(Đính kèm Thông báo số 410/TB-BV ngày 26/01/2026 của Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2025)

THỜI GIAN	NỘI DUNG
I	KHAI MẠC VÀ TẬP HUẤN
Thứ Năm, ngày 29/01/2026 07h00 – 07h45	Khai mạc kỳ thi và phổ biến quy chế thi (Hội trường A)
II	THI VÒNG I
Thứ Năm, ngày 29/01/2026	Môn 1: Thi trắc nghiệm môn Kiến thức chung (CA 1) (Thí sinh làm bài trên máy tính)
07h45 - 08h00	Họp cán bộ coi thi (CBCT) và phổ biến quy chế thi tuyển tại điểm thi.
08h00-08h05	- Nhận giấy nháp và túi tài liệu của phòng thi; - Hướng dẫn thí sinh gửi đồ ở nơi quy định.
08h05-08h10	Gọi thí sinh vào phòng thi và Kiểm tra giấy tờ tùy thân có ảnh, rà soát an ninh
08h10 -08h15	- CBCT1 hướng dẫn làm bài, nhắc nhở thí sinh về kỷ luật phòng thi; - CBCT2 ký tên vào ô dành cho CBCT trên giấy nháp;
08h15 - 08h20	Cho thí sinh trong phòng thi chứng kiến tình trạng niêm phong của túi đựng phiếu tài khoản, sự phù hợp môn thi với lịch thi và lập biên bản xác nhận có chữ ký của 2 thí sinh.
08h20 - 08h25	Bóc túi đựng phiếu tài khoản đăng nhập
08h25-08h30	- Phát phiếu tài khoản đăng nhập cho thí sinh. - Yêu cầu thí sinh kiểm tra tình trạng phiếu tài khoản và đăng nhập vào hệ thống thi và yêu cầu thí sinh kiểm tra thông tin cá nhân trên hệ thống thi.
08h30 – 09h30	Thời gian bắt đầu làm bài: Từ 08h30 – 09h30 (60 phút)
09h30 – 09h50	- Hết giờ làm bài. - Yêu cầu thí sinh ký vào Phiếu thu bài thi, phiếu xác nhận điểm (ghi rõ mã đề thi đối với các môn thi trắc nghiệm nếu có); - In bài thi và niêm phong; - Bàn giao túi tài liệu cho người được Trưởng ban coi thi phân công.
	Môn 1: Thi trắc nghiệm môn Kiến thức chung (CA 2) (Thí sinh làm bài trên máy tính)
09h50-09h55	Gọi thí sinh vào phòng thi và Kiểm tra giấy tờ tùy thân có ảnh, rà soát an ninh
09h55 - 10h00	- CBCT1 hướng dẫn làm bài, nhắc nhở thí sinh về kỷ luật phòng thi; - CBCT2 ký tên vào ô dành cho CBCT trên giấy nháp;
10h00 - 10h05	Cho thí sinh trong phòng thi chứng kiến tình trạng niêm phong của túi đựng phiếu tài khoản, sự phù hợp môn thi với lịch thi và lập biên bản xác nhận có chữ ký của 2 thí sinh.
10h05 - 10h10	Bóc túi đựng phiếu tài khoản đăng nhập
10h10-10h15	- Phát phiếu tài khoản đăng nhập cho thí sinh. - Yêu cầu thí sinh kiểm tra tình trạng phiếu tài khoản và đăng nhập vào hệ thống thi và yêu cầu thí sinh kiểm tra thông tin cá nhân trên hệ thống thi.



10h15 – 11h15	Thời gian bắt đầu làm bài: Từ 10h15 – 11h15 (60 phút)
Từ 11h15	- Hết giờ làm bài. - Yêu cầu thí sinh ký vào Phiếu thu bài thi, phiếu xác nhận điểm (ghi rõ mã đề thi đối với các môn thi trắc nghiệm nếu có); - In bài thi và niêm phong; - Bàn giao túi tài liệu cho người được Trưởng ban coi thi phân công.
	Môn 2: Thi trắc nghiệm môn tiếng Anh (CA 1) (Thí sinh làm bài trên máy tính)
13h30 - 13h50	Họp cán bộ coi thi (CBCT) và phổ biến quy chế thi tuyển tại điểm thi.
13h50- 13h55	- Nhận giấy nháp và túi tài liệu của phòng thi; - Đánh số báo danh vào bàn của thí sinh; - Hướng dẫn thí sinh gửi đồ ở nơi quy định.
13h55 - 14h00	Gọi thí sinh vào phòng thi và Kiểm tra giấy tờ tùy thân có ảnh
14h00 - 14h10	- CBCT1 nhắc nhở thí sinh về kỷ luật phòng thi; - CBCT2 ký tên vào ô dành cho CBCT trên giấy nháp;
14h10- 14h15	Cho thí sinh trong phòng thi chứng kiến tình trạng niêm phong của túi đựng phiếu tài khoản, sự phù hợp môn thi với lịch thi và lập biên bản xác nhận có chữ ký của 2 thí sinh.
14h15 – 14h20	Bóc túi đựng phiếu tài khoản đăng nhập
14h20 – 14h30	- Phát phiếu tài khoản đăng nhập cho thí sinh. - Yêu cầu thí sinh kiểm tra tình trạng phiếu tài khoản và đăng nhập vào hệ thống thi và yêu cầu thí sinh kiểm tra thông tin cá nhân trên hệ thống thi.
14h30 – 15h00	Thời gian bắt đầu làm bài: 14h30 – 15h00 (30 phút)
15h00-15h30	- Hết giờ làm bài. - Yêu cầu thí sinh ký vào Phiếu thu bài thi, phiếu xác nhận điểm (ghi rõ mã đề thi đối với các môn thi trắc nghiệm nếu có); - In bài thi và niêm phong; - Bàn giao túi tài liệu cho người được Trưởng ban coi thi phân công.
	Môn 2: Thi trắc nghiệm môn tiếng Anh (CA 2) (Thí sinh làm bài trên máy tính)
15h30 - 15h40	Gọi thí sinh vào phòng thi và Kiểm tra giấy tờ tùy thân có ảnh
15h40 - 15h45	- CBCT1 nhắc nhở thí sinh về kỷ luật phòng thi; - CBCT2 ký tên vào ô dành cho CBCT trên giấy nháp;
15h45- 15h50	Cho thí sinh trong phòng thi chứng kiến tình trạng niêm phong của túi đựng phiếu tài khoản, sự phù hợp môn thi với lịch thi và lập biên bản xác nhận có chữ ký của 2 thí sinh.
15h50 – 15h55	Bóc túi đựng phiếu tài khoản đăng nhập
15h55 – 16h00	- Phát phiếu tài khoản đăng nhập cho thí sinh. - Yêu cầu thí sinh kiểm tra tình trạng phiếu tài khoản và đăng nhập vào hệ thống thi và yêu cầu thí sinh kiểm tra thông tin cá nhân trên hệ thống thi.
16h00– 16h30	Thời gian bắt đầu làm bài: 16h00 – 16h30 (30 phút)
Từ 16h30	- Hết giờ làm bài. - Yêu cầu thí sinh ký vào Phiếu thu bài thi, phiếu xác nhận điểm (ghi rõ mã đề thi đối với các môn thi trắc nghiệm nếu có); - In bài thi và niêm phong; - Bàn giao túi tài liệu cho người được Trưởng ban coi thi phân công.
III	THI VÒNG II
Chiều Chủ nhật, ngày 01/02/2026	Môn thi: Kiến thức chuyên ngành (Thí sinh làm bài trên giấy)
13h00 – 13h25	Họp CBCT tại điểm thi, phân công CBCT về phòng thi.
13h25 – 13h35	- Nhận giấy thi, giấy nháp và túi tài liệu của phòng thi; - Đánh số báo danh vào bàn của thí sinh; - Gọi thí sinh vào phòng thi; đối chiếu, kiểm tra giấy tờ tùy thân có ảnh.

13h35 – 13h45	- CBCT1 nhận đề thi tại BCĐ điểm thi; - CBCT2 ký tên vào ô dành cho CBCT trên giấy thi, giấy nháp; - Phát và hướng dẫn thí sinh điền vào các mục trên giấy thi, giấy nháp.
13h45 – 13h50	Cho thí sinh trong phòng thi chứng kiến tình trạng niêm phong của túi đựng đề thi, sự phù hợp môn thi với lịch thi và lập biên bản xác nhận có chữ ký của 2 thí sinh.
13h50 – 14h00	- Bóc túi đựng đề thi và phát đề thi cho thí sinh; - Yêu cầu thí sinh kiểm tra tình trạng đề thi.
14h00	Bắt đầu tính giờ làm bài: Từ 14h00 - 17h00 (180 phút)
14h15	Nộp đề thi thừa đã được niêm phong cho người được Trưởng ban coi thi phân công.
16h45	CBCT nhắc thí sinh còn 15 phút làm bài
17h00	- Hết giờ làm bài thi. CBCT thu bài thi của thí sinh; - Yêu cầu thí sinh ký vào Phiếu thu bài thi (ghi rõ số tờ giấy thi); - Niêm phong, bàn giao bài thi cho người được Trưởng Ban coi thi phân công.
17h15 – 17h30	Hộp tổng kết kỳ thi tại BCĐ điểm thi





NỘI QUY

KỶ THI TUYỂN VIÊN CHỨC

(Kèm theo Thông báo số 410/TB-BV ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng thi tuyển viên chức)

Điều 1. Quy định đối với thí sinh

1. Phải có mặt tại phòng thi đúng giờ quy định. Thí sinh dự thi đến muộn sau thời điểm bắt đầu tính giờ làm bài thi, phân thi, môn thi (sau đây viết tắt là bài thi) thì được dự thi trong các trường hợp sau:

a) Không quá 05 phút đối với bài thi có thời gian thi tối đa 30 phút hoặc không quá 10 phút đối với bài thi có thời gian thi tối đa từ 60 phút trở lên;

b) Xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của pháp luật làm cho thí sinh không thể có mặt đúng giờ hoặc trong thời gian quy định tại điểm a khoản này. Trường ban coi thi báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định việc thí sinh được dự thi đối với các trường hợp cụ thể.

2. Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự.

3. Xuất trình Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có ảnh và thông tin cá nhân.

4. Ngồi đúng vị trí theo số báo danh hoặc theo vị trí do Hội đồng thi quy định.

5. Chỉ được mang vào phòng thi: thước kẻ, bút viết để làm bài thi; nước uống đựng trong bình chứa trong suốt không gắn tem mác hay có bất kỳ ký hiệu, ký tự nào; các loại giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của từng bài thi; một số loại thuốc mà thí sinh dự thi có bệnh án phải mang theo.

Không được mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác, trừ trường hợp có quy định khác.

6. Tuân thủ hướng dẫn của giám thị phòng thi, và Hội đồng thi; nếu có ý kiến hoặc thắc mắc phải hỏi công khai với giám thị phòng thi; giữ trật tự và không được hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích, các loại thức ăn, đồ uống có cồn trong phòng thi, khu vực thi.

7. Không được trao đổi thông tin, giấy thi, giấy nháp với người khác trong thời gian thi, không được nhìn bài làm của thí sinh khác hoặc có bất kỳ hành động gian lận nào khác. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến câu hỏi và đáp án ra ngoài phòng thi hoặc nhận thông tin từ ngoài vào phòng thi.

8. Bài làm trên giấy chỉ được viết bằng một loại mực có màu xanh hoặc màu đen. Chỉ sử dụng loại giấy thi được phát để làm bài thi; phải ghi đầy đủ các mục quy định đối với thí sinh trên giấy thi làm bài thi. Trừ phần ghi bắt buộc trên trang phách, thí sinh không được đánh dấu hoặc làm ký hiệu riêng lên bài làm, không được ghi họ tên, chữ ký, chức danh, ký hiệu, ký tự hoặc các dấu hiệu khác lên bài làm. Trường hợp cần viết lại thì gạch chéo hoặc gạch ngang phần đã viết trong bài làm (trừ trường hợp có quy định khác).

9. Thí sinh không được ra ngoài phòng thi đối với bài thi có thời gian thi tối đa từ 60 phút trở xuống. Đối với bài thi trên giấy có thời gian trên 60 phút, thí sinh chỉ được ra khỏi phòng thi sớm nhất sau

2/3 thời gian làm bài thi; trường hợp thí sinh nộp bài thi phải nộp kèm đề thi, giấy nháp trước khi ra khỏi phòng thi.

Trường hợp cấp thiết phải ra khỏi phòng thi vì lý do cá nhân phải được sự cho phép của giám thị phòng thi.

10. Thí sinh dừng làm bài và nộp bài làm ngay khi giám thị tuyên bố hết thời gian làm bài thi; ký danh sách nộp bài làm hoặc danh sách kết quả thi (đối với bài thi trên máy vi tính). Đối với bài thi trên giấy phải ghi rõ tổng số tờ giấy thi đã nộp; trường hợp không làm được bài, thí sinh cũng phải nộp lại giấy thi.

11. Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính:

a) Trường hợp gặp sự cố về máy thi trong quá trình thi thì thí sinh báo ngay cho giám thị phòng thi, kỹ thuật viên máy vi tính biết để lập biên bản xác nhận sự cố; thí sinh được làm lại bài thi ngay trong buổi thi hoặc trong ngày thi đó. Trường hợp không thể làm lại bài thi ngay trong buổi thi hoặc trong ngày thi đó thì được bố trí cho làm lại bài thi vào ngày tiếp theo do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

b) Nghiêm cấm thí sinh có các hành vi làm ảnh hưởng tới hệ thống máy vi tính phục vụ thi. Trường hợp vi phạm thì căn cứ vào động cơ, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể để xử lý bằng các hình thức quy định tại Điều 2 Nội quy này.

12. Thí sinh dự thi chỉ được rời phòng thi khi đã nộp bài và ký xác nhận vào danh sách nộp bài, danh sách kết quả thi.

Trường hợp thí sinh dự thi không ký xác nhận vào danh sách nộp bài, danh sách kết quả thi trước khi ra khỏi phòng thi thì điểm bài thi được xác định là 0 (không) điểm. Trường hợp giám thị phát hiện thí sinh dự thi ký thay thí sinh dự thi khác thì điểm thi của các thí sinh này được xác định là 0 (không) điểm. Các trường hợp này đều phải lập biên bản.

13. Thí sinh dự thi có quyền báo với giám thị phòng thi về hành vi vi phạm nội quy, quy chế của người dự thi (nếu có).

Điều 2. Xử lý vi phạm đối với thí sinh dự thi

1. Các hình thức xử lý vi phạm đối với thí sinh vi phạm nội quy, quy chế thi:

a) Khiển trách.

b) Cảnh cáo.

c) Đình chỉ thi.

d) Hủy kết quả thi.

2. Áp dụng hình thức khiển trách đối với thí sinh vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Không vào đúng vị trí quy định sau khi đã bị nhắc nhở lần đầu;

b) Trao đổi với thí sinh khác và đã bị nhắc nhở lần đầu nhưng không chấp hành hoặc vi phạm tái phạm.

3. Áp dụng hình thức cảnh cáo đối với thí sinh vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đã bị xử lý bằng hình thức khiển trách theo quy định tại khoản 2 Điều này mà tái phạm;
- b) Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp với thí sinh khác;
- c) Cho thí sinh khác chép bài hoặc chép bài của thí sinh khác;
- d) Sử dụng tài liệu trái quy định; mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính và các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác (trừ trường hợp có quy định khác).

4. Áp dụng hình thức đình chỉ thi đối với thí sinh vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đã bị xử lý bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại khoản 3 Điều này mà tái phạm;
- b) Sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính và các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác trong thời gian làm bài (trừ trường hợp có quy định khác);
- c) Gây mất an toàn, trật tự làm ảnh hưởng đến phòng thi.

Thí sinh bị đình chỉ thi bài thi nào sẽ bị hủy kết quả bài thi đó và không được tiếp tục dự thi các bài thi tiếp theo (nếu có).

5. Áp dụng hình thức hủy kết quả thi đối với thí sinh vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Viết, vẽ những nội dung không liên quan đến nội dung của bài thi vào tờ giấy thi của mình hoặc của thí sinh khác.
- b) Có một trong các hành vi: Đánh tráo bài làm, làm hộ bài của thí sinh khác, để thí sinh khác làm hộ bài thi, thi hộ.
- c) Bị đình chỉ thi theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Trình tự xử lý:

- a) Giám thị phòng thi lập biên bản về hành vi vi phạm của thí sinh tại phòng thi. Người lập biên bản và thí sinh vi phạm cùng phải ký vào biên bản. Biên bản được công bố công khai tại phòng thi.

Trường hợp thí sinh vi phạm không ký biên bản vi phạm thì người lập biên bản mời hai thí sinh ngồi gần nhất thí sinh có hành vi vi phạm cùng ký xác nhận sự việc. Trường hợp có một trong hai thí sinh hoặc cả hai thí sinh được mời ký xác nhận sự việc không ký biên bản thì vẫn lập biên bản và công bố công khai tại phòng thi.

- b) Đối với hình thức khiển trách, cảnh cáo:

Người lập biên bản công bố công khai tại phòng thi; báo cáo Trường ban coi thi để báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

c) Đối với hình thức đình chỉ thi:

Người lập biên bản tiến hành lập biên bản tại phòng thi, báo cáo ngay Trường ban coi thi để kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định đình chỉ thi ngay trong thời gian làm bài thi đối với thí sinh vi phạm;

Đại diện Hội đồng hoặc Trường ban coi thi công bố công khai tại phòng thi.

d) Đối với hình thức hủy kết quả thi:

Chủ tịch Hội đồng thi báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng viên chức trước khi quyết định hủy bỏ kết quả thi của thí sinh.

7. Các quy định liên quan đến xử lý thí sinh vi phạm:

a) Kết quả bài thi:

Thí sinh bị khiển trách trong bài thi nào sẽ bị trừ 25% tổng số câu trả lời đúng hoặc 25% tổng số điểm đạt được của bài thi đó.

Thí sinh bị cảnh cáo trong bài thi nào sẽ bị trừ 50% tổng số câu trả lời đúng hoặc 50% tổng số điểm đạt được của bài thi đó.

Khi tổng hợp kết quả, căn cứ biên bản xử lý vi phạm do giám thị phòng thi lập và báo cáo của Trường ban coi thi, Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định việc trừ số câu trả lời đúng hoặc trừ số điểm.

b) Trường hợp thí sinh gây mất an toàn, trật tự làm ảnh hưởng đến phòng thi thì ngoài việc bị đình chỉ, hủy kết quả thi, tùy theo tính chất, mức độ còn bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật hình sự.

c) Thí sinh dự thi là cán bộ, công chức, viên chức nếu bị đình chỉ thi hoặc bị hủy hết quả thi, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 3. Quy định đối với giám thị phòng thi, giám thị hành lang, kỹ thuật viên máy vi tính.

1. Phải có mặt tại địa điểm thi đúng giờ quy định. Trang phục lịch sự.

2. Thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao theo nội quy, quy chế của kỳ thi.

3. Giữ trật tự, không được làm việc riêng; không hút thuốc; không sử dụng các loại đồ uống có cồn hoặc các chất kích thích; không sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác trong phòng thi.

4. Không được trao đổi riêng với bất kỳ thí sinh nào trong thời gian thi.

Điều 4. Xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia tổ chức thi và cá nhân liên quan khác vi phạm nội quy, quy chế



1. Người tham gia tổ chức kỳ thi tuyển viên chức là cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm nội quy, quy chế ngoài việc bị đình chỉ làm công tác phục vụ kỳ thi tuyển viên chức còn bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.
2. Cán bộ, công chức, viên chức có các hành vi, như: Thi hộ; chuyển câu hỏi và đáp án ra ngoài; đưa lời giải vào cho thí sinh; đưa thông tin sai lệch gây ảnh hưởng xấu đến kỳ thi; gây rối làm mất trật tự tại khu vực thi thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.
3. Người tham gia tổ chức kỳ thi tuyển viên chức và những người có liên quan khác mà không phải là cán bộ, công chức, viên chức nếu có hành vi vi phạm nội quy, quy chế thì tùy theo tính chất, mức độ, cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.
4. Người tham gia tổ chức kỳ thi tuyển viên chức, và những người có liên quan khác vi phạm nội quy, quy chế thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý không bố trí đảm nhiệm những công việc có liên quan đến công tác tổ chức kỳ thi tuyển viên chức, theo quy định về xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ, hoạt động thanh tra và các quy định khác của Đảng, của pháp luật./.

